Table of contents

User Manual ····· 1-7

安裝指南 ····· 8-14

Hướng dẫn sử dụng ····· 15-21

Buku Panduan ····· 22-28

Руководство пользователя ····· 29-35

دليل المستخدم ····· 36-42

Benutzerhandbuch ····· 43-49

Manuel d'utilisation ····· 50-56

Manual del usuario ····· 57-63

Kullanıcı El Kitabı ····· 64-70

Manual do usuário ····· 71-77

คู่มือการใช้งาน ····· 78-84

Manuale d'uso ····· 85-91

User Manual

1.1 Package Contents

Item	Quantity
Host	1
Mounting Bracket	1
Phillips Screw	4
Wall Anchor	4
User Manual	1
Certificate of Quality	1

1.2 Hardware Features

Top View

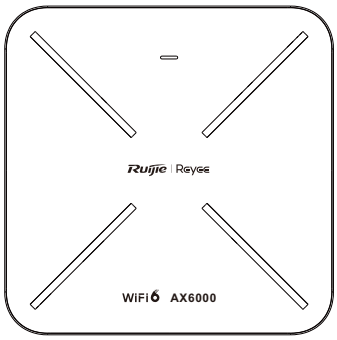

Bottom View

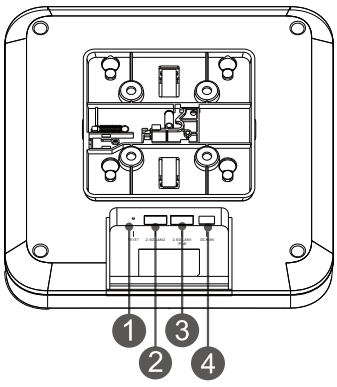

Note: ① RESET Hole ② LAN2/2.5G Port
③ LAN1/2.5G/PoE Port ④ 48 V DC input plug

PoE power supply: Connect one end of the Ethernet cable to the LAN1/2.5G/PoE port of the access point, and the other end to a PoE-capable switch or other power source equipment (PSE).

DC power supply: Connect the DC power adapter (48 V/1A) to the DC input plug on the access point.

1.3 Technical Specifications

Item	Specification
Dimensions (W x D x H)	230 mm × 230 mm × 48mm (9.06 inch × 9.06 inch × 1.89 inch, without the mounting bracket)
Data Rate	2.4 GHz: up to 1148 Mbps 5 GHz: up to 4804 Mbps Combined: 5952 Mbps
Operating Radio	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz to 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz to 5.350 GHz, 5.470 GHz to 5.850 GHz
Antenna	Built-in omnidirectional antenna
Service Ports	Two 10/100/1000/2500 Mbps self-adaptive Ethernet ports
Restart/Reset	Supported
Status LED	Supported
Power Supply	There are three power supply modes available: ● Standard PoE: IEEE 802.3bt standard, backward compatible with the IEEE 802.3at standard ● 60 W Passive PoE adapter (Optional accessory) ● Local power supply: 48 V DC /1 A Note: The access point is not 802.3af-compliant. (See Appendix for power supply modes and respective data rate.)
Max Power Consumption	≤ 40 W
Environment	Operating temperature: 0°C to 40°C (32°F to 104°F)
	Storage temperature: –40°C to 70°C (–40°F to 158°F)
	Operating humidity: 5% to 95% (non-condensing)
	Storage humidity: 5% to 95% (non-condensing)
Weight	≤ 1.8 kg (3.97 lbs, without the mounting bracket)
Color	Warm white

1.4 LED and Reset Hole

	Status	Description
LED	Solid blue	The access point is functioning properly with no alarms.
	Off	The access point is not receiving power.
	Slow blinking	The access point is functioning properly but there is an alarm generated.
	Fast blinking	Possible cases: 1. Restoring the access point to factory settings. 2. Upgrading the firmware. 3. Handling alarms automatically. 4. Starting up the access point.

Reset Hole	Press and hold the pin to the Reset hole for less than 2 seconds.	Restart the access point.
	Press and hold the pin to the Reset hole for more than 5 seconds.	Restore the access point to factory settings.

1.5 Tools (Customer-supplied)

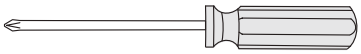

Phillips screwdriver

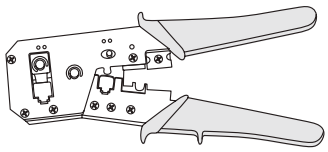

Crimping plier

1.6 Mounting the Access Point without Security Lock

To mount the AP with the security lock, see Mounting the Access Point with Security Lock.

1. Drill four holes at 53 mm (2.09 in) spacing on the wall or ceiling.

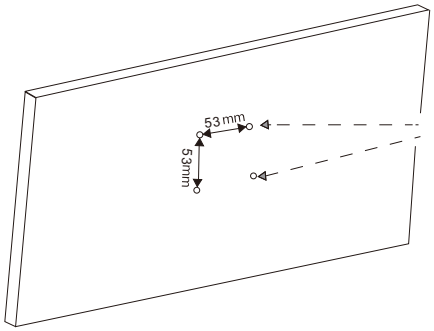

Drill four holes.

2. Take out the mounting bracket from the packaging material.

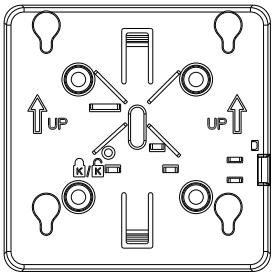

3. Secure the mounting bracket on the ceiling or wall by using screws.

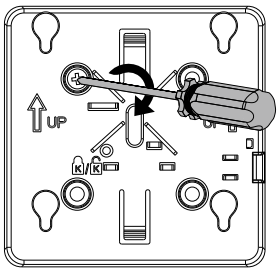

4. Connect the Ethernet cable to the LAN port on the rear of the AP.

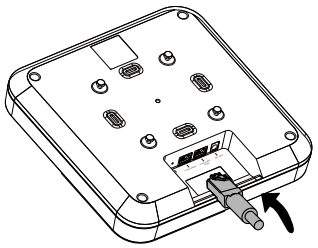

5. Align the square feet on the rear of the AP over the mounting holes on the bracket. Slide the AP into the holes until it clicks into place.

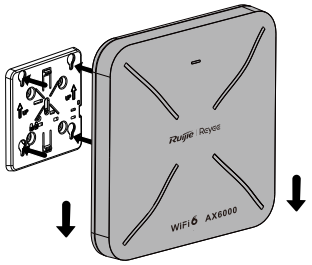

1.7 Mounting the Access Point with Security Lock (Optional)

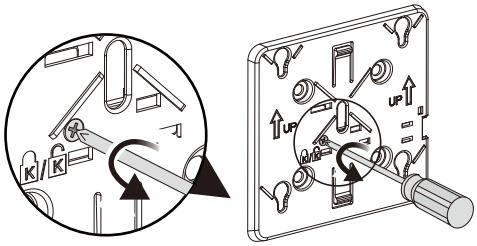

Loosen the security screw

Loosen the security screw to engage the security lock.

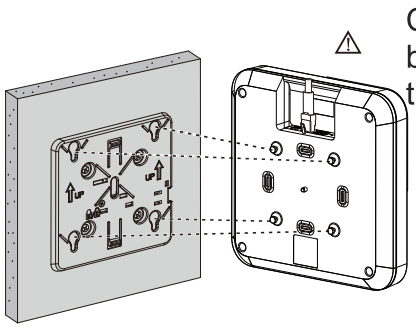

Connect the Ethernet cable before mounting the AP on the bracket

Align the square feet on the rear of the AP over the mounting holes on the bracket. Slide the AP into the mounting holes.

Caution:

Slide the AP into the mounting holes in the opposite orientation of the arrow (UP) indicated on the bracket until it clicks into place. Do not forcibly slide the AP into the mounting holes on the brackets. After installation, verify that the AP is properly secured on the bracket.

1.8 Removing the Access Point

1. If the security lock is used, keep the top of the key against the edge of the mounting bracket (with the Ruijie logo on the key pointed upwards). Slide the key along with the four edges of the mounting bracket.
2. Attempt to insert the key into the keyhole. It can only be inserted into one marked keyhole.

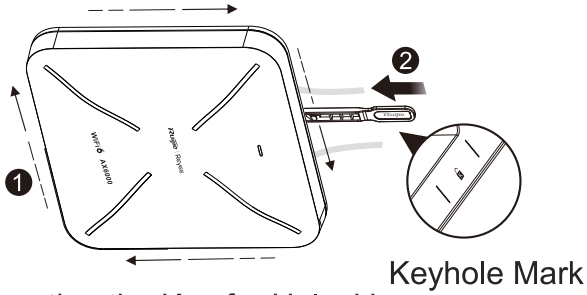

Inserting the Key for Unlocking

Removing the Wall-Mount AP

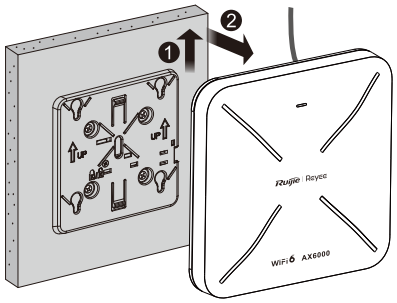

Hold the AP in your hands and push it upward and away from the bracket.

Removing the Ceiling-Mount AP

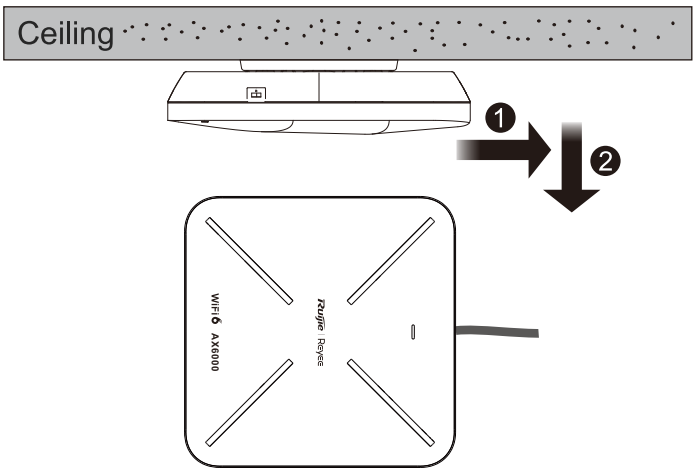

Hold the AP in your hands and attempt to push it away from the bracket in each orientation. The AP can only be pushed out in one of the four orientations.

1.9 Configuring the Access Point

Method 1 (Recommended)

Scan the QR-code in the manual or on the device to download Ruijie Reyee App. Find First time use Ruijie Cloud? Follow the guide on the App to configure the network.

Method 2

1. Connect the access point to the SSID. If multiple devices exist in the network, use SSID @Ruijie-mXXXX. If only one device exists in the network, use SSID @Ruijie-sXXXX. You can also create a wired connection by connecting your PC to the Ethernet port of the access point with an Ethernet cable.
2. If there is only one Reyee device in the network, access http://192.168.120.1 via the browser. Otherwise, access http://10.44.77.253. In the latter case, configure your phone or PC with an IP address in the same network segment as 10.44.77.253, for example, 10.44.77.250.
3. Click Start Setup to create network projects.

1.10 Appendix

Power Input	Local power supply: 48 V DC/1 A			
	Standard PoE: IEEE 802.3bt standard, backward compatible with the IEEE 802.3at standard			
Power Supply Mode	2.4 GHz	5 GHz	Data Rate	Max. Power Consumption
IEEE 802.3bt Standard (Recommended)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
60 W Passive PoE Adapter (Optional Accessory)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Local Power Supply (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
IEEE 802.3at Standard	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Note: The access point is not 802.3af-compliant.				

安裝指南

1.1 包裝配件清單

序號	名稱	數量	單位
1	AP主機	1	部
2	掛架	1	個
3	圓頭十字螺絲釘	4	個
4	螺絲釘固定座	4	個
5	安裝指南	1	本
6	合格證	1	本

1.2 外觀及連接埠

外觀及連接埠（用戶正面介面）

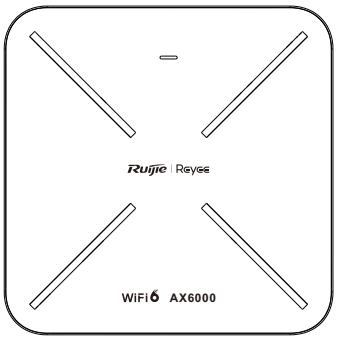

外觀及連接埠（背部介面）

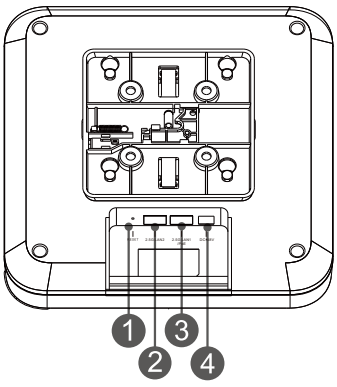

注釋：
①RESET 重設孔
②LAN2/2.5G 連接埠
③ LAN1/2.5G/PoE 連接埠
④ DC-48V 電源連接埠

裝置透過PoE取電時，需要將以太網網絡線的一端連接LAN1/2.5G/PoE③，另一端連接支援PoE功能的交換器連接埠或PoE供電裝置上。
裝置透過DC變壓器取電時，需要使用DC-48V/1A變壓器連接電源連接埠④。

1.3 硬件規格

屬性	描述
尺寸（長x寬x高）	230mm×230mm×48mm（不含掛架）
無線速率	2.4GHz最高提供1148Mbps的存取速率，5GHz最高提供4804Mbps的存取速率。全機最高提供5952Mbps的存取速率。
工作頻段	802.11b/g/n/ax：2.4GHz~2.4835GHz 802.11a/n/ac/ax：5.150GHz~5.350GHz， 5.470GHz~5.850GHz
內置天線	內置全向天線
固定連接埠	2個10/100/1000/2500Mbps速率調適型以太網連接埠
重新啟動/恢復原廠設定	支援
狀態指示燈	支援
供電	1. 標準PoE供電：支援802.3bt供電（正常運作） 兼容802.3at供電（降速） 2. 60W非標準PoE變壓器（正常運作） 注：變壓器為選配件 3. 支援DC 48V/1A本機供電（正常運作） 注：不支援802.3af供電，裝置會不斷重新啟動，無法使用（功耗與無線速率關係的詳細說明，請見「附表1-1」）
全機功耗	≦40W
工作環境	工作溫度：0°C～40°C
	工作濕度：5%～95%（無凝結）
	儲存溫度：-40°C～70°C
	儲存濕度：5%～95%（無凝結）
重量	≦1.8kg（不含掛架）
顏色	暖白

1.4 指示燈及按鈕說明

	閃動頻率	意義
指示燈	亮起藍燈	裝置正常運作
	熄滅	裝置未接電
	慢速閃動	AP運作中，但是有警告

	快速閃爍	快速閃爍可能出現以下情況: 1>: 恢復原廠設定 2>: 版本升級 3>: 裝置自動修復 4>: 裝置未完成開機程序
重設鍵	短按少於2秒	重新啟動裝置
	長按5秒以上	恢復原廠設定

1.5 安裝時需準備的工具（用戶自備）

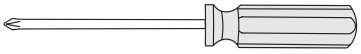

十字螺絲批

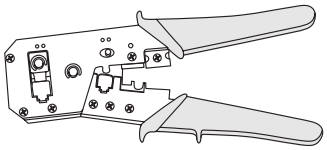

網絡線鉗

1.6 產品安裝

如需使用暗鎖，請參考下文的「（可選）啟用暗鎖」進行操作。

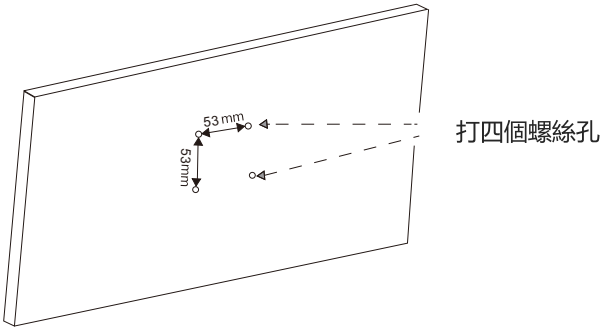

1.牆面或者天花板上打四個螺絲孔，孔距為53mm*53mm

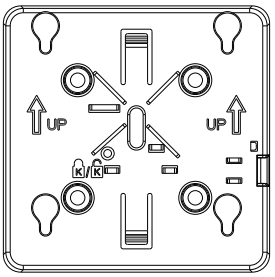

2.取出掛架

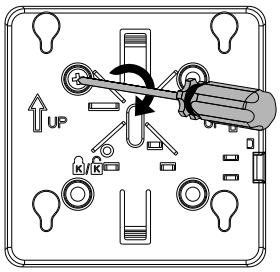

3.使用螺絲將掛架固定在牆面或者天花板上

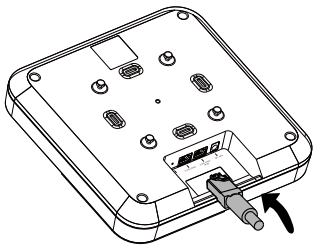

4.將網絡線接插至AP主機背面的LAN連接埠

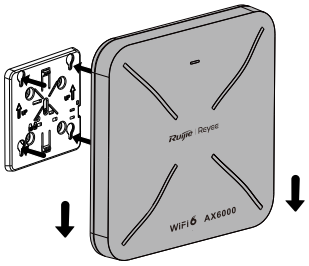

5.將掛鉤對準掛架的鉤孔，再依照安裝引導孔將掛鉤推入鉤孔內扣緊

1.7 （可選）啟用暗鎖

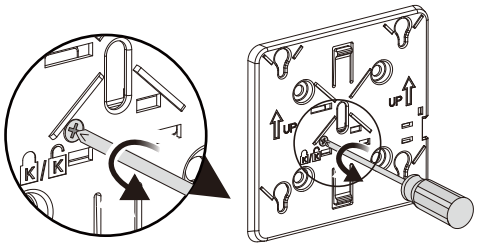

扭開螺絲釘

扭開螺絲釘，啟用防盜暗鎖。

⚠ 在主機放入掛架前，請先安裝好網絡線。

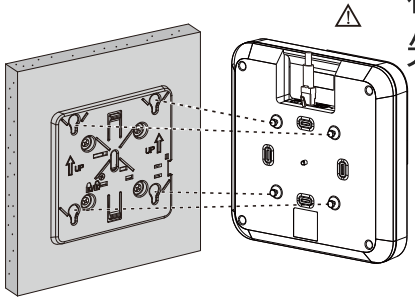

將主機背面的掛扣對準掛架的扣孔。

繁体中文

注意：
安裝時，必須沿著掛架上的箭嘴反方向滑動扣緊，請勿使用暴力強行將主機扣入掛架扣孔內。安裝後，請仔細檢查主機是否已卡緊，避免因為沒有卡緊而造成主機掉落。

1.8 主機拆卸方法

1 如有啟用防盜暗鎖，將暗鎖插稍前端頂住掛架邊沿（注意暗鎖插稍帶有「Ruijie」標記的一面需朝向產品正面），沿著掛架的四個邊沿滑動。

2 分別嘗試在AP的四邊暗鎖標記處插入暗鎖插稍，找到正確鎖眼後插入插稍。

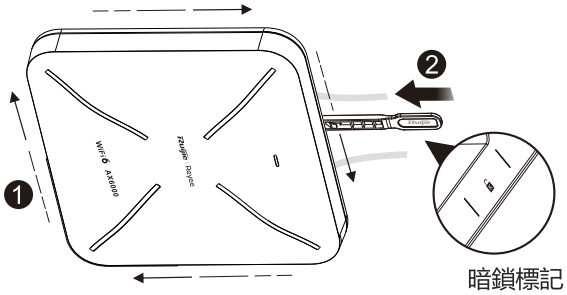

解開防盜暗鎖，插入暗鎖插稍後便能聽到

掛牆式拆卸：

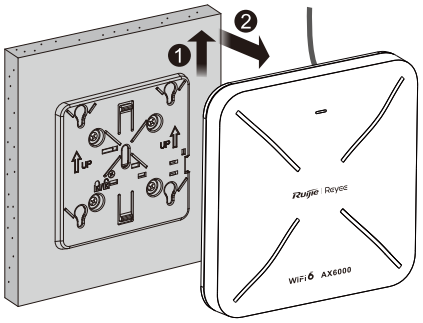

用手托住主機兩側，將其沿著網絡連接埠的方向推出。

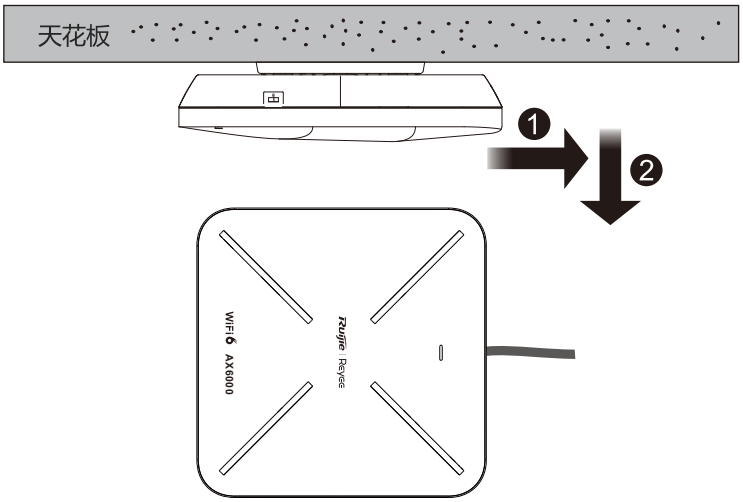

用手托住主機兩側，依次嘗試將其沿著四個方向推出（四個方向中只有一個方向能將主機推出）

1.9 全網統一設定

方式一（推薦方式）

掃描下方或裝置上的QR碼，下載睿易APP。按照APP的「快速上手指南」，快速完成網絡設定。

方式二

1. 連接裝置SSID（多部裝置組建網絡時為@Ruijie-mXXXX，單一部裝置組建網絡時為@Ruijie-sXXXX），或使用網絡線連接裝置的LAN連接埠
2. 存取http://192.168.120.1（當網絡中沒有其他睿易裝置時才會支援）或 http://10.44.77.253（需將電腦或手機的IP位址設定為同一個網段位址，如10.44.77.250）。
3. 點擊<開始配置>，建立網絡項目。

1.10 附錄

電源輸入	本機DC供電：48V/1A			
	標準PoE供電：支援802.3bt供電； 兼容802.3at供電（降速）			
供電方式	2.4GHz	5GHz	全機速率	功耗
標準bt供電（推薦）	4X4	4X4	5952M	≦40W
60W非標準PoE變壓器（變壓器為選配）	4X4	4X4	5952M	≦40W
本機DC 48V/1A供電	4X4	4X4	5952M	≦40W
標準at供電	2X2	2X2	2976M	≦25W
注：不支援802.3af供電，裝置會不斷重新啟動，無法使用				

Hướng dẫn sử dụng

1.1 Trong hộp có

Máy chủ	Số lượng
Điểm truy cập RG-RAP2260(H)	1
Bệ máy	1
Vít Phillips	4
Neo tường	4
Hướng dẫn sử dụng	1
Giấy chứng nhận chất lượng	1

1.2 Giấy chứng nhận chất lượng

Nhìn từ phía trên

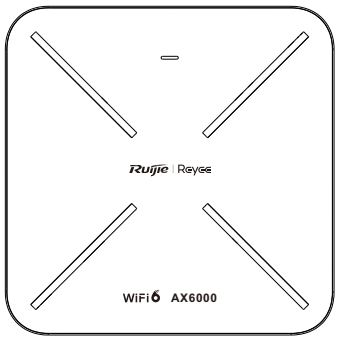

Nhìn từ phía dưới

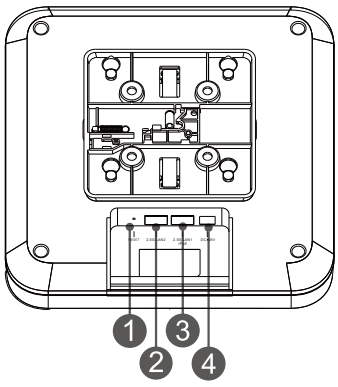

Lưu ý:	① Lỗ RESET	② Cổng LAN1/2.5G/PoE
	③ Cổng LAN2/2.5G	④ Phích cắm đầu vào DC 48 V

Bộ nguồn PoE: Kết nối một đầu của cáp Ethernet với cổng LAN1/2.5G/PoE của điểm truy cập và đầu kia với công tắc hỗ trợ PoE hoặc thiết bị nguồn điện khác (PSE).

Bộ nguồn DC: Kết nối bộ chuyển đổi nguồn DC (48 V / 1A) với phích cắm đầu vào DC trên điểm truy cập.

1.3 Thông số kỹ thuật

Danh mục	Thông số kỹ thuật
Kích thước (R x S x C)	230 mm × 230 mm × 48mm (9.06 inch × 9.06 inch × 1.89 inch, không tính bệ máy)
Tốc độ dữ liệu	2.4 GHz: lên đến 1148 Mbps 5 GHz: lên đến 4804 Mbps Kết hợp: 5952 Mbps
Radio hoạt động	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz đến 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz đến 5.350 GHz, 5.470 GHz đến 5.850 GHz
Ăng-ten	Ăng-ten đa hướng tích hợp
Cổng dịch vụ	Hai cổng Ethernet tự thích ứng 10/100/1000/2500 Mbps
Khởi động lại / Reset	Được hỗ trợ
Đèn LED trạng thái	Được hỗ trợ
Bộ nguồn	● Có ba bộ nguồn có sẵn các chế độ: ● Chuẩn PoE: Chuẩn IEEE 802.3bt, tương thích ngược với chuẩn IEEE 802.3at ● Bộ đổi nguồn PoE thụ động 60 W (Phụ kiện tùy chọn) ● Bộ nguồn cục bộ: 48 V DC /1 A Lưu ý: Điểm truy cập không tuân theo chuẩn 802.3af. (Xem Phụ lục để biết các chế độ cung cấp điện và tốc độ dữ liệu tương ứng.)
Điện năng tiêu thụ tối đa	≤ 40 W
Môi trường	Nhiệt độ: 0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
	Nhiệt độ bảo quản: –40°C đến 70°C (–40°F đến 158°F)
	Độ ẩm: 5% đến 95% (không ngưng tụ)
	Độ ẩm bảo quản: 5% đến 95% (không ngưng tụ)
Khối lượng:	≤ 1.8 kg (3.97 lbs, không tính bệ máy)
Màu	Trắng ấm

1.4 Đèn LED và nút Reset

	Trạng thái	Mô tả
Đèn LED	Đèn xanh sáng	Điểm truy cập đang hoạt động bình thường không có báo động.
	Tắt	Điểm truy cập không nhận được nguồn điện.
	Đèn nháy chậm	Điểm truy cập đang hoạt động bình thường nhưng có một cảnh báo được tạo ra.

	Đèn nháy nhanh	Các trường hợp có thể xảy ra: 1. Khôi phục điểm truy cập về cài đặt gốc. 2. Nâng cấp chương trình cơ sở. 3. Xử lý báo động tự động. 4. Khởi động điểm truy cập..
Lỗ Reset	Nhấn và giữ chốt vào lỗ Reset ít hơn 2 giây..	Khởi động lại điểm truy cập.
	Nhấn và giữ chốt vào lỗ Reset hơn 5 giây.	Khôi phục điểm truy cập về cài đặt gốc.

1.5 Công cụ (Khách hàng cung cấp)

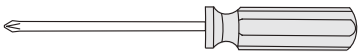

Tua vít Phillips

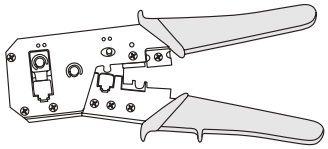

Kìm uốn

1.6 Gắn Điểm truy cập không có Khóa bảo mật

Để gắn Điểm truy cập (AP) với khóa bảo mật, hãy xem Gắn điểm truy cập với khóa bảo mật.

1. Khoan bốn lỗ với khoảng cách 53 mm (2,09 in) trên tường hoặc trần nhà.

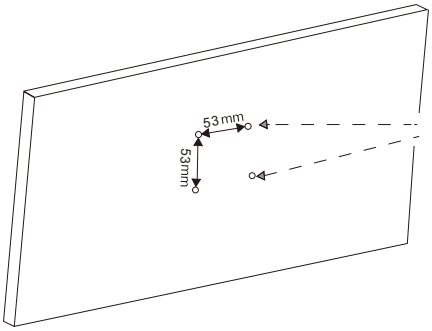

Khoan bốn lỗ

2. Mở bệ máy.

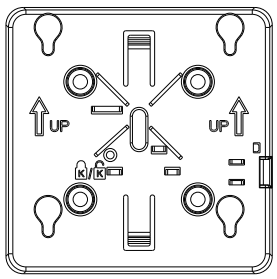

3. Cố định khung gắn trên trần hoặc tường bằng vít.

Việt

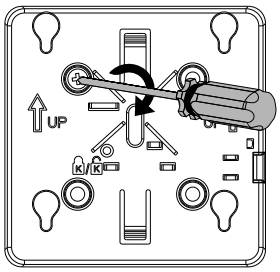

4. Kết nối cáp Ethernet với cổng LAN ở mặt sau AP.

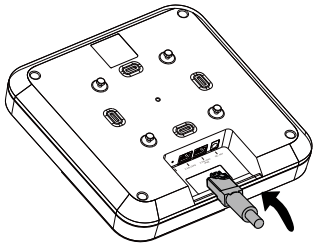

Việt

5. Căn chỉnh các góc vuông ở mặt sau của Điểm truy cập (AP) với các lỗ gắn trên giá đỡ. Ráp Điểm truy cập (AP) vào các lỗ cho đến khi khớp vào vị trí.

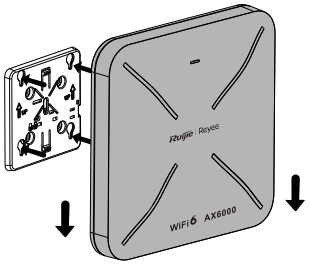

1.7 Gắn Điểm truy cập với Khóa bảo mật (Tùy chọn)

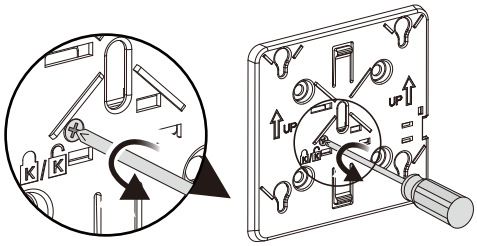

Khoan bốn lỗ

Nới lỏng vít an toàn để gắn khóa bảo mật.

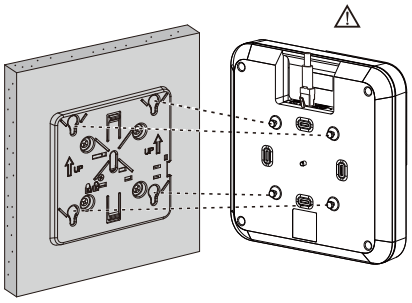

⚠ Nối cáp ethernet trước khi lắp điểm truy cập mạng lên giá đỡ

Căn chỉnh các góc vuông ở mặt sau của Điểm truy cập (AP) trên các lỗ gắn trên giá đỡ. Ráp Điểm truy cập (AP) vào các lỗ lắp.

Cảnh báo:
Trượt AP vào các lỗ lắp theo hướng ngược lại của mũi tên (LÊN) được chỉ ra trên giá đỡ cho đến khi khớp vào vị trí. Không trượt mạnh Điểm truy cập (AP) vào các lỗ lắp trên giá đỡ. Sau khi cài đặt, hãy xác minh rằng AP được bảo mật đúng cách trên khung.

1.8 Xóa điểm truy cập

1. Nếu sử dụng khóa bảo mật, hãy giữ phần đầu của chìa khóa áp vào cạnh của giá đỡ (với biểu tượng Ruijie trên chìa khóa hướng lên trên). Trượt phím dọc theo bốn cạnh của giá đỡ.
2. Cố gắng đưa chìa khóa vào lỗ khóa. Chỉ có thể được đưa vào một lỗ khóa được đánh dấu.

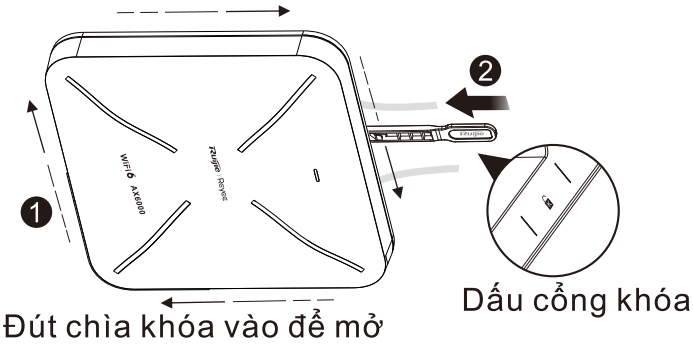

Tháo Điểm truy cập (AP) treo tường

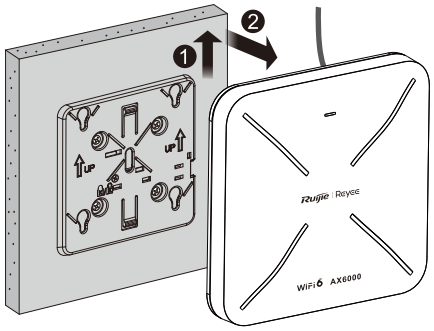

Giữ Điểm truy cập (AP) trên tay và đẩy nó lên trên và ra khỏi giá đỡ.

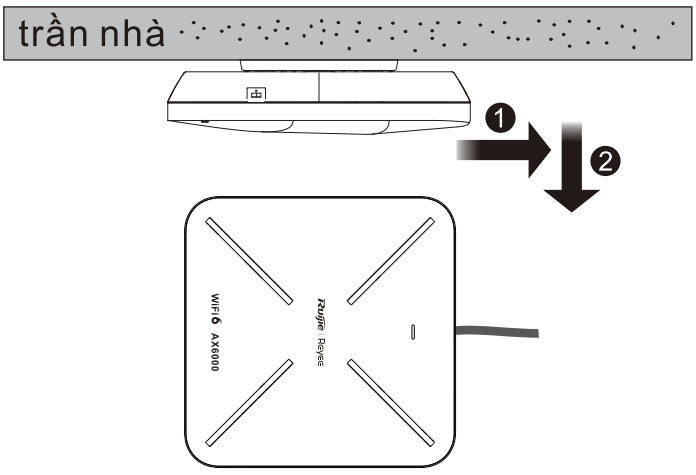

Việt

Giữ Điểm truy cập (AP) trên tay và cố gắng đẩy nó ra khỏi giá đỡ theo từng hướng. Điểm truy cập (AP) chỉ có thể được đẩy ra theo một trong bốn hướng.

1.9 Định cấu hình Điểm truy cập

Cách 1 (đề xuất)

Quét mã QR trong mục hướng dẫn sử dụng hoặc trên thiết bị để tải ứng dụng Đám mây Ruijie. Tìm lần sử dụng Đám mây Ruijie đầu tiên? Làm theo hướng dẫn trên Ứng dụng để định cấu hình mạng.

Cách 2

1. Kết nối điểm truy cập với SSID. Nếu có nhiều thiết bị trong mạng, hãy sử dụng SSID @ Ruijie-mXXXX. Nếu chỉ có một thiết bị hiện tại trong mạng, hãy sử dụng SSID @ Ruijie-sXXXX. Bạn cũng có thể tạo kết nối có dây bằng cách kết nối PC với cổng Ethernet của điểm truy cập bằng cáp Ethernet.
2. Nếu chỉ có một thiết bị Reyee trong mạng, hãy truy cập http://192.168.120.1 qua trình duyệt. Nếu không, hãy truy cập http://10.44.77.253. Trong trường hợp thứ hai, hãy định cấu hình điện thoại hoặc PC của bạn bằng địa chỉ IP trong cùng một phân đoạn mạng là 10.44.77.253, ví dụ: 10.44.77.250.
3. Nhấp vào Bắt đầu thiết lập để tạo các dự án mạng.

1.10 Phụ lục

Công suất đầu vào	Bộ nguồn cục bộ: 48 V DC/1 A			
	Chuẩn PoE: Chuẩn IEEE 802.3bt, tương thích ngược với chuẩn IEEE 802.3at			
Chế độ Bộ nguồn	2.4 GHz	5 GHz	Tốc độ dữ liệu	Điện năng tiêu thụ tối đa
Chuẩn IEEE 802.3bt (đề xuất)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Bộ đổi nguồn PoE thụ động 60 W (Phụ kiện tùy chọn)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Bộ nguồn cục bộ (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Chuẩn IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Lưu ý: Điểm truy cập không tuân theo chuẩn 802.3af.				

Buku Panduan

1.1 Isi Paket

Barang	Jumlah
Unit Perangkat	1
Braket Pemasangan	1
Sekrup Phillips	4
Jangkar Dinding	4
Buku Panduan	1
Sertifikat Kualitas	1

1.2 Fitur Perangkat Keras

Tampilan Atas

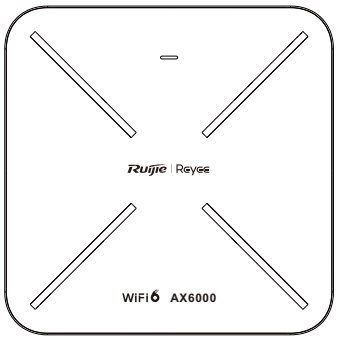

Tampilan Bawah

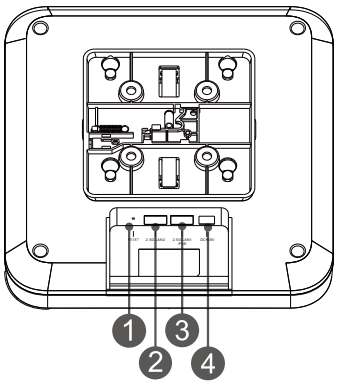

Catatan: ① Lubang RESET ② Port LAN2/2.5G
③ Port LAN1/2.5G/PoE ④ Port masukan daya 48 V DC

Suplai daya PoE: Hubungkan salah satu ujung kabel Ethernet ke port LAN1/2.5G/PoE akses poin, lalu ujung lainnya ke switch PoE atau perangkat lain dengan sumber daya PoE (PSE).

Suplai daya DC: Hubungkan adaptor daya DC (48 V/1A) ke port masukan daya DC akses poin.

1.3 Spesifikasi Teknis

Hal	Spesifikasi
Ukuran (P x L x T)	230 mm × 230 mm × 48mm (9.06 inci × 9.06 inci × 1.89 inci, tanpa braket pemasangan)
Kecepatan Data	2.4 GHz: hingga 1148 Mbps 5 GHz: hingga 4804 Mbps Digabung: 5952 Mbps
Radio Kerja	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz hingga 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz hingga 5.350 GHz, 5.470 GHz hingga 5.850 GHz
Antena	Dilengkapi antena omnidireksional
Port Layanan	Dua port Ethernet self-adaptive 10/100/1000/2500 Mbps
Restart/Reset	Mendukung
LED Status	Mendukung
Suplai Daya	Tersedia tiga mode suplai daya: ● Standar PoE: Standar IEEE 802.3bt standar, saling kompatibel dengan standar IEEE 802.3at ● Adaptor PoE pasif 60 W (Aksesori opsional) ● Suplai daya lokal: 48 V DC /1 A Catatan: Akses poin ini tidak sesuai dengan 802.3af. (Lihat lampiran mode suplai daya dan kecepatan data masing-masing.)
Konsumsi Daya Maks.	≤ 40 W
Lingkungan	Temperatur Kerja: 0°C hingga 40°C (32°F hingga 104°F)
	Temperatur Penyimpanan: –40°C hingga 70°C (–40°F hingga 158°F)
	Kelembaban Kerja: 5% hingga 95% (tidak berembun)
	Kelembaban Penyimpanan: 5% hingga 95% (tidak berembun)
Berat	≤ 1.8 kg (3.97 pon, tanpa braket pemasangan)
Warna	Putih hangat

1.4 LED dan Lubang Reset

	Status	Deskripsi
LED	Menyala biru	Akses poin bekerja dengan baik tanpa adanya alarm.
	Mati	Akses poin mati.
	Berkedip lambat	Akses poin bekerja dengan baik namun terdapat alarm.
	Berkedip cepat	Kemungkinan: 1. Mengembalikan pengaturan ke setelan pabrik. 2. Memperbarui firmware. 3. Menangani alarm secara otomatis.

		4. Akses poin mulai menyala.
Lubang Reset	Tekan dan tahan jarum ke dalam luban Reset selama kurang dari 2 detik.	Restart akses poin.
	Tekan dan tahan jarum ke dalam luban Reset selama lebih dari 5 detik.	Mengembalikan pengaturan akses poin ke setelan pabrik.

1.5 Peralatan (Disediakan Pelanggan)

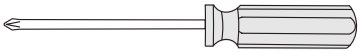

Obeng Phillips

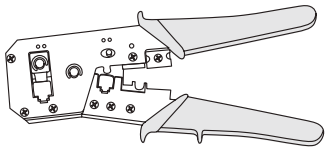

Tang Crimping

1.6 Pemasangan Akses Poin tanpa Kungi Pengaman

Untuk memasang AP dengan Kunci Pengaman, lihat Pemasangan Akses Poin dengan Kunci Pengaman.

1. Bor empat lubang dengan jarak 53 mm (2.09 in) di dinding atau langit-langit

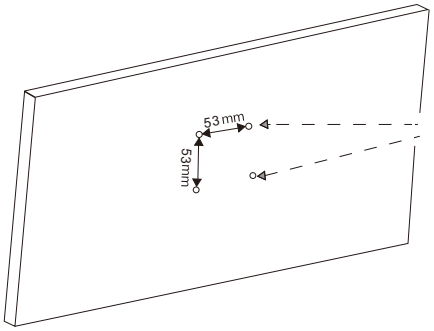

Bor empat lubang.

2. Ambil braket pemasangan dari dalam paket.

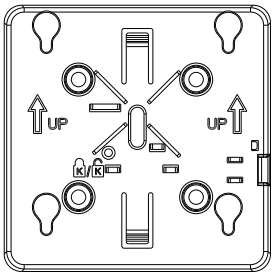

3. Kencangkan braket pemasangan pada dinding atau langit-langit menggunakan sekrup.

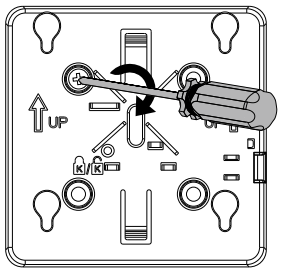

4. Hubungkan kabel Ethernet ke port LAN pada bagian belakang AP.

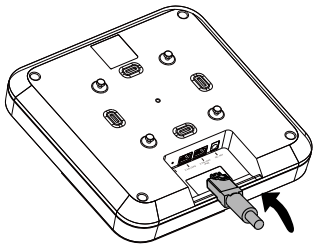

5. Sejajarkan kaki persegi pada bagian belakang AP dengan lubang pemasangan pada braket. Tarik AP ke lubang pemasangan hingga pas terpasang.

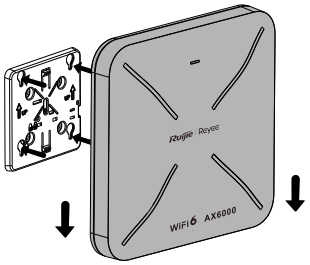

1.7 Pemasangan Akses Poin dengan Kunci Pengaman (Opsional)

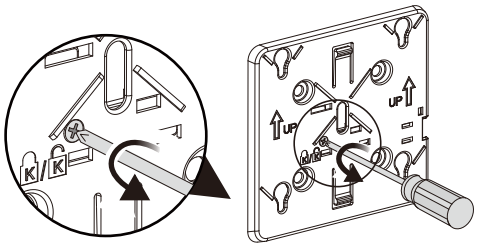

Longgarkan sekrup pengaman

Longgarkan sekrup pengaman untuk menggunakan kungi pengaman.

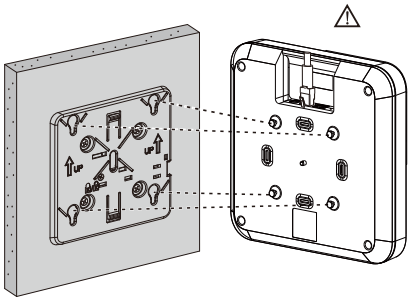

⚠ Pasang kabel Ethernet sebelum memasang AP pada braket

Sejajarkan kaki persegi pada bagian belakang AP dengan lubang pemasangan pada braket. Tarik AP ke lubang pemasangan.

Perhatian:

Tarik AP ke lubang pemasangan berlawanan arah dengan tanda panah (ATAS) yang terdapat pada braket hingga terdengar klik. Jangan paksa menarik AP ke lubang pemasangan braket. Setelah pemasangan, pastikan bahwa AP terpasang dengan benar pada braket.

1.8 Melepas Akses Poin

1. Jika menggunakan kunci pengaman, letakkan bagian atas kunci terhadap ujung braket pemasangan (dengan logo Ruijie yang ada pada kunci menghadap ke atas). Geser kunci bersamaan dengan keempat ujung braket pemasangan.
2. Coba masukkan kunci ke lubang kunci. Hanya dapat dimasukkan ke satu tanda lubang kunci.

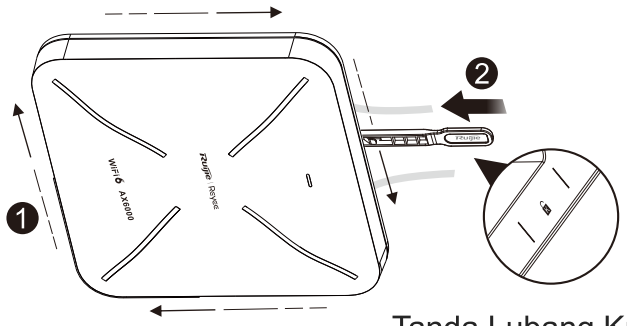

Tanda Lubang Kunci

Memasukkan Kunci untuk Melepas AP

Melepaskan AP yang Dipasang di Dinding

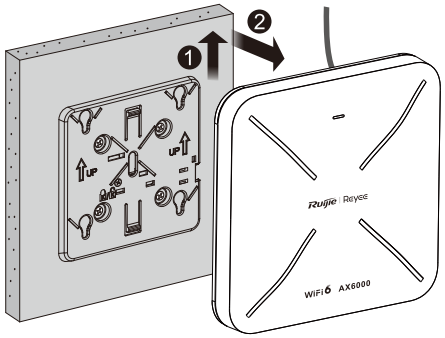

Tahan AP pada tangan anda lalu dorong ke atas serta lepaskan dari braket.

Melepas AP yang Dipasang di Langit-langit

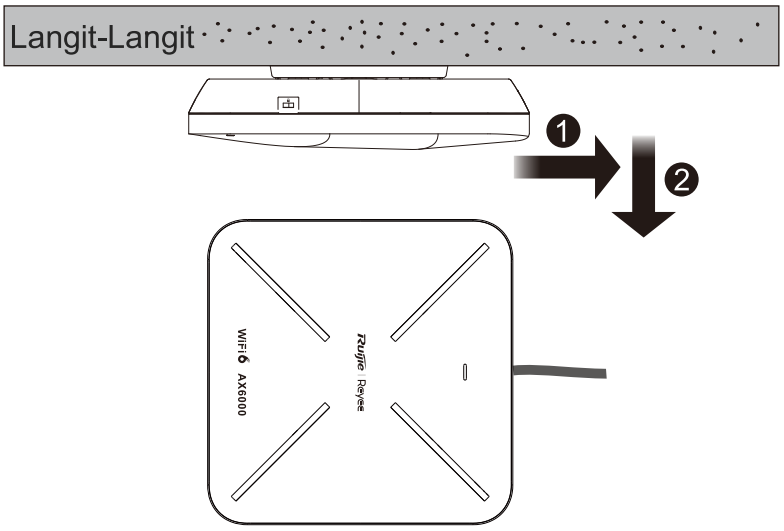

Tahan AP pada tangan anda lalu coba dorong dari setiap sisi braket. AP hanya bisa dilepaskan melalui salah satu sisi.

1.9 Konfigurasi Akses Poin

Cara 1 (Disarankan)

Pindai kode QR di dalam buku panduan atau pada perangkat untuk mengunduh APP Ruijie Reyee Pertama kali menggunakan Ruijie Cloud? Ikuti panduan pada App untuk mengonfigurasi jaringan.

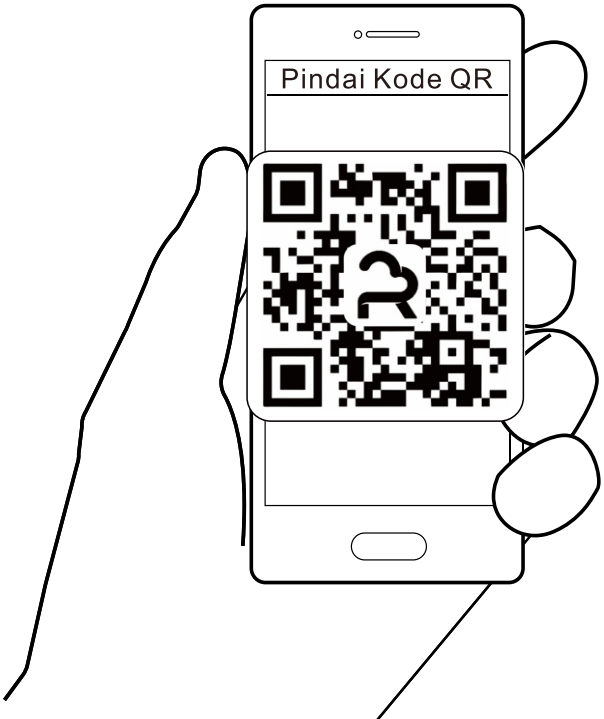

Cara 2

1. Hubungkan akses poin ke SSID. Jika terdapat beberapa perangkat di dalam jaringan, gunakan SSID @Ruijie-mXXXX. Jika hanya ada satu perangkat di dalam jaringan, gunakan SSID @Ruijie-sXXXX. Anda juga dapat membuat koneksi kabel dengan menghubungkan PC anda ke port Ethernet akses poin menggunakan kabel Ethernet.

2. Jika hanya ada satu perangkat Reyee di dalam jaringan, akses http://192.168.120.1 melalui peramban. Atau, akses http://10.44.77.253. Jika mengakses IP yang kedua, konfigurasi ponsel atau PC anda dengan alamat IP yang berada di jaringan yang sama dengan 10.44.77.253, contoh, 10.44.77.250.
3. Klik Mulai Pengaturan untuk membuat proyek jaringan.

1.10 Lampiran

Masukan Daya	Suplai Daya Lokal: 48 V DC/1 A			
	Standar PoE: Standar IEEE 802.3bt, saling kompatibel dengan standar IEEE 802.3at			
Mode Suplai Daya	2.4 GHz	5 GHz	Kecepatan Data	Konsumsi Daya Maks.
Standar IEEE 802.3bt (Disarankan)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Adaptor PoE Pasif 60 W (Aksesori Opsional)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Suplai Daya Lokal (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Standar IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Catatan: Akses poin tidak sesuai dengan 802.3af.				

Руководство пользователя

1.1 Комплект поставки

Компонент	Количество
Точка доступа	1
Монтажный кронштейн	1
Винт с крестообразным шлицем	4
Стеновой анкер	4
Руководство пользователя	1
Сертификат качества	1

1.2 Аппаратные характеристики

Вид сверху

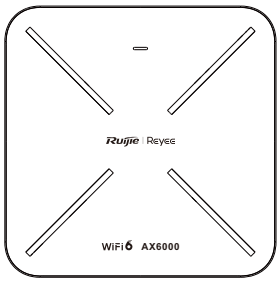

Вид снизу

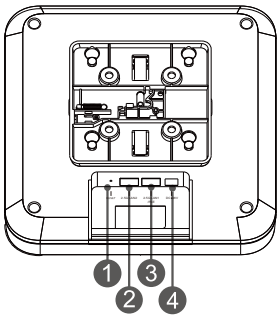

Примечание:
① отверстие для сброса
② порт LAN2/2.5G
③ порт LAN1/2.5G/PoE
④ входной разъем питания 48 В по стоянного тока

Питание PoE: подключите один конец кабеля Ethernet к порту LAN1/2.5G/PoE точки доступа, а другой конец кабеля Ethernet — к коммутатору с поддержкой PoE или к другому источнику питания.
Питание от источника питания постоянного тока: подключите адаптер питания постоянного тока (48 В/1 А) к входному разъему питания постоянного тока на точке доступа.

1.3 Технические характеристики

Компонент	Спецификация
Размеры (Д x Ш x В)	230 мм × 230 мм × 48 мм (9,06 дюйма × 9,06 дюйма × 1,89 дюйма), без монтажного кронштейна
Скорость передачи данных	2,4 ГГц: до 1148 Мбит/с 5 ГГц: до 4804 Мбит/с Объединенная скорость передачи данных: 5952 Мбит/с
Рабочий протокол радиосвязи	802.11 b/g/n/ax: от 2,4 ГГц до 2,4835 ГГц 802.11 a/n/ac/ax: от 5,150 ГГц до 5,350 ГГц, от 5,470 ГГц до 5,850 ГГц
Антенна	Встроенная круговая антенна
Служебные порты	Два самонастраивающихся порта Ethernet 10/100/1000/2500 Мбит/с
Перезапуск/сброс	Поддерживается
Индикатор состояния	Поддерживается
Электропитание	Поддерживаются три режима питания: ● Стандартное питание PoE: стандарт IEEE 802.3bt, обратно совместим со стандартом IEEE 802.3at ● адаптер PoE в пассивном режиме 60 Вт (дополнительный аксессуар) ● Локальный источник питания: 48 В пост. ток а/1 А Примечание: Точка доступа не совместима со стандартом 802.3af (режимы питания и соответствующие скорости передачи данных см. в приложении)
Максимальная потребляемая мощность	не более 40 Вт
Условия окружающей среды	Рабочая температура: от 0°C до 40°C (от 32°F до 104°F)
	Температура хранения: от –40°C до 70°C (от –40°F до 158°F)
	Допустимая влажность при эксплуатации: от 5% до 95% (без конденсации)
	Допустимая влажность при хранении: от 5% до 95% (без конденсации)
Масса	не более 1,8 кг (3,97 фунта, без монтажного кронштейна)
Цвет	Теплый белый

1.4 Индикатор и отверстие для сброса

	Состояние	Описание
Индикатор	Синий (горит)	Точка доступа работает правильно, оповещений нет.
	Не горит	На точку доступа не поступает питание.

	Медленно мигает	Точка доступа работает правильно, но возникло сигнальное оповещение.
	Быстро мигает	Возможные варианты: 1. Восстановление заводских настроек точки доступа. 2. Обновление встроенного ПО. 3. Автоматическая обработка оповещений. 4. Запуск точки доступа.
Отверстие для сброса	Возьмите тонкий острый предмет, вставьте его в отверстие для сброса, нажмите на него и удерживайте не более 2 секунд.	Перезапуск точки доступа.
	Возьмите тонкий острый предмет, вставьте его в отверстие для сброса, нажмите на него и удерживайте более 5 секунд.	Восстановление заводских настроек точки доступа.

1.5 Инструменты (предоставляются клиентом)

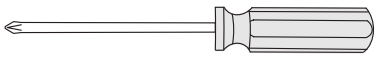

Крестовая отвертка

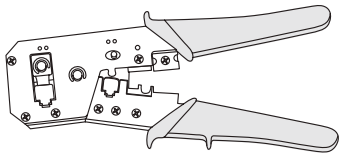

Щипцы для концевой обжимки

1.6 Крепление точки доступа без защитной блокировки

Чтобы закрепить точку доступа с защитной блокировкой, см. раздел «Крепление точки доступа с защитной блокировкой».

1. Просверлите четыре отверстия на расстоянии 53 мм (2,09 дюйма) друг от друга на стене или на потолке.

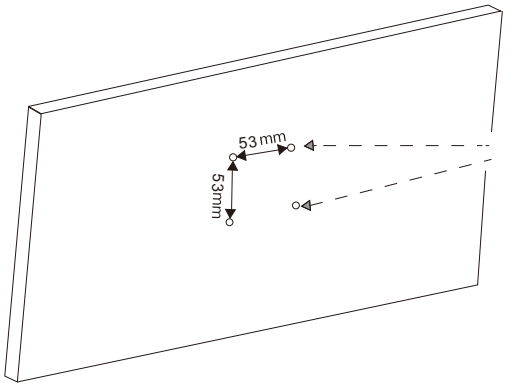

Просверлите четыре отверстия.

2. Извлеките монтажный кронштейн из упаковки.

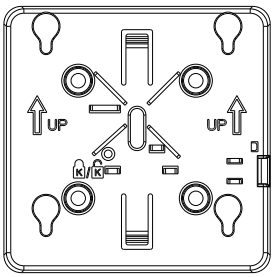

3. Закрепите монтажный кронштейн на стене или на потолке с помощью винтов.

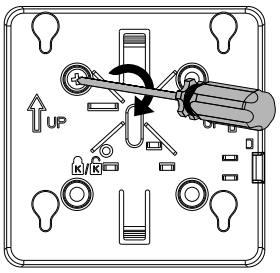

4. Подключите кабель Ethernet к порту LAN с задней стороны точки доступа.

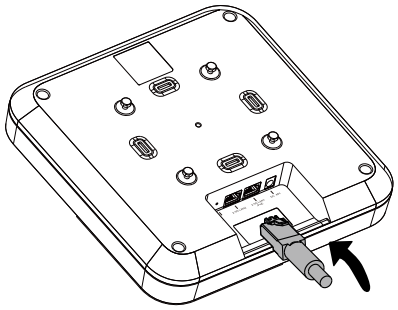

5. Выровняйте квадратные ножки с задней стороны точки доступа с монтажными отверстиями на кронштейне. Сдвиньте точку доступа в отверстиях до щелчка.

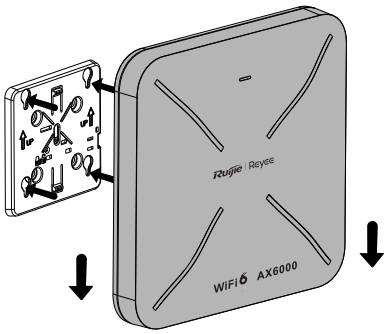

1.7 Крепление точки доступа с защитной блокировкой (дополнительно)

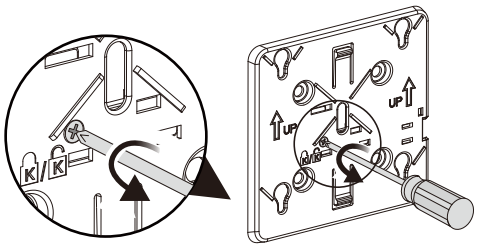

Ослабьте крепление защитного винта

Ослабьте защитный винт, чтобы активировать защитную блокировку.

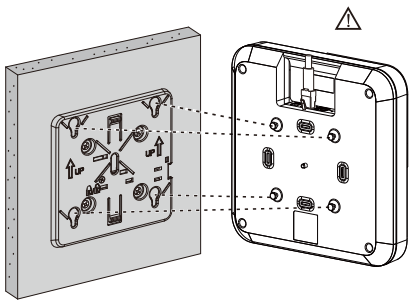

Перед закреплением точки доступа на кронштейне подключите кабель Ethernet

Выровняйте квадратные ножки с задней стороны точки доступа с монтажными отверстиями на кронштейне. Сдвиньте точку доступа в отверстиях.

Предостережение:
Сдвиньте точку доступа в монтажных отверстиях в направлении, противоположном стрелке (UP), указанной на кронштейне, до щелчка. Не прилагайте излишних усилий при установке точки доступа в монтажных отверстиях на кронштейнах. После установки проверьте, что точка доступа надежно закреплена в кронштейне.

1.8 Демонтаж точки доступа

1. Если используется защитная блокировка, прижмите верхнюю часть ключа к краю монтажного кронштейна (логотип Ruijie на ключе должен быть направлен вверх). Сдвиньте ключ вдоль четырех краев монтажного кронштейна.
2. Попробуйте вставить ключ в отверстие для ключа. Ключ может быть вставлен только в одно отмеченное отверстие для ключа.

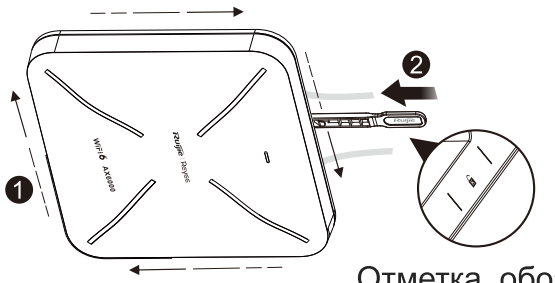

Вставка ключа для снятия блокировки

Отметка, обозначающая отверстие для ключа

Демонтаж точки доступа с креплением на стене

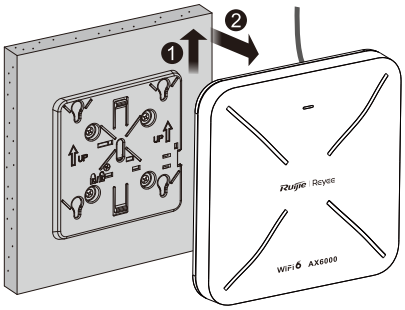

Возьмите точку доступа двумя руками и потяните ее вверх и по направлению от кронштейна.

Демонтаж точки доступа с креплением на потолке

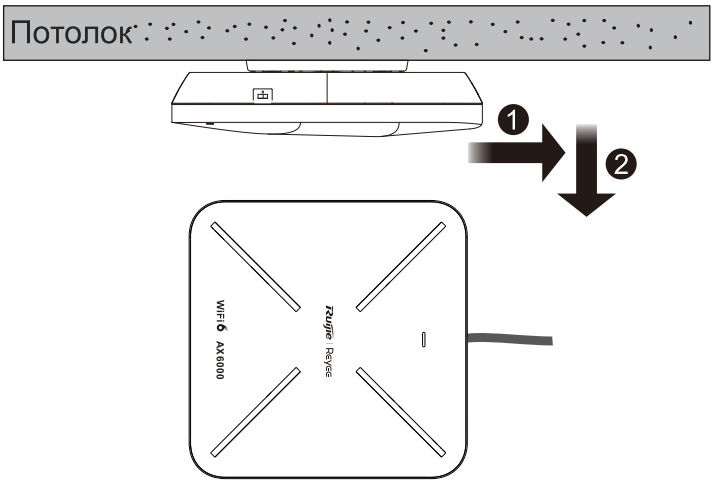

Возьмите точку доступа двумя руками и попробуйте потянуть ее от кронштейна в каждом из четырех направлений. Точка доступа может быть сдвинута только в одном из четырех направлений.

1.9 Настройка точки доступа

Способ 1 (рекомендуемый)

Просканируйте QR-код в руководстве или на устройстве, чтобы скачать приложение Ruijie Reyee Найдите раздел «Используете Ruijie Cloud впервые?» Следуйте инструкциям по настройке сети в приложении.

Способ 2

1. Подключите точку доступа к SSID. Если в сети несколько устройств, используйте SSID @Ruijie-mXXXX. Если в сети всего одно устройство, используйте SSID @Ruijie-sXXXX. Вы также можете создать проводное подключение. Для этого подключите ПК к порту Ethernet точки доступа с помощью кабеля Ethernet.
2. Если в сети всего одно устройство Reyee, откройте браузер и перейдите по адресу http://192.168.120.1. В противном случае перейдите по адресу http://10.44.77.253. В последнем случае настройте IP-адрес вашего телефона или ПК так, чтобы он находился в том же сегменте сети, что и IP-адрес 10.44.77.253. Например, установите IP-адрес 10.44.77.250 для телефона или ПК.
3. Нажмите Start Setup, чтобы создать сетевые проекты.

1.10 Приложение

Вход электропитания	Локальный источник питания: 48 В пост. тока/1 А			
	Стандартное питание PoE: стандарт IEEE 802.3bt, обратно совместим со стандартом IEEE 802.3at			
Режим электропитания	2,4 ГГц	5 ГГц	Скорость передачи данных	Максимальная потребляемая мощность
Стандарт IEEE 802.3bt (рекомендуется)	4 x 4	4 x 4	5952 Мбит/с	40 Вт
Адаптер PoE в пассивном режиме 60 Вт (дополнительный аксессуар)	4 x 4	4 x 4	5952 Мбит/с	40 Вт
Локальный источник питания (48 В пост. тока/1 А)	4 x 4	4 x 4	5952 Мбит/с	40 Вт
Стандарт IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Мбит/с	25 Вт
Примечание: Точка доступа не совместима со стандартом 802.3af.				

دليل المستخدم

1.1 محتويات الصندوق

البند	الكمية
مضيف	1
كتيفة تثبيت	1
برغي متقاطع الرأس	4
خابور جدار	4
دليل المستخدم	1
شهادة الجودة	1

1.2 ميزات الأجهزة

منظر علوي

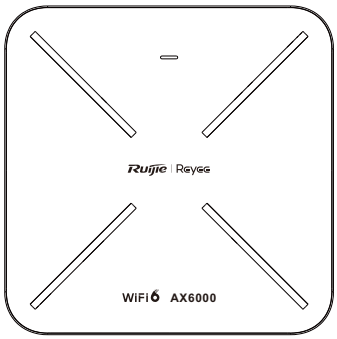

منظر سفلي

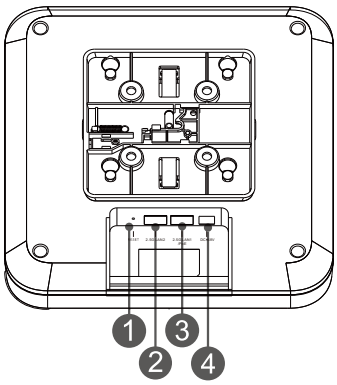

ملاحظة: ① ثقب إعادة الضبط (RESET) ② المنفذ LAN2/2.5G
③ المنفذ LAN1/2. 5G/PoE ④ مقبس دخل 48 فولت تيار مستمر (مباشر)

مصدر الطاقة عبر إيثرنت (PoE): أوصل طرف كابل الإيثرنت بالمنفذ LAN1/2.5G/PoE لنقطة الوصول والطرف الآخر بسويتش مجهز بتقنية PoE أو أي أجهزة أخرى للتزويد بالطاقة.
مصدر طاقة التيار المستمر: أوصل محول طاقة التيار المستمر (المباشر) 48 فولت/ 1 أمبير) إلى مقبس دخل التيار المستمر الموجود بنقطة الوصول.

1.3 المواصفات الفنية

البند	المواصفات
الأبعاد (العرض × العمق × الارتفاع)	230 ملم × 230 ملم × 48 ملم (9.06 بوصة × 9.06 بوصة × 1.89 بوصة، بدون كتيفة التثبيت)
معدل البيانات	2.4 جيجاهيرتز: حتى 1148 ميجابت / ثانية 5 جيجاهيرتز: حتى 4804 ميجابت/ ثانية مجتمعين: 5952 ميجابت/ ثانية
لاسلكي التشغيل	802.11 :b/g/n/ax 2.4 جيجاهيرتز إلى 2.4835 جيجاهيرتز 802.11 :a/n/ac/ax 5.150 جيجاهيرتز إلى 5.350 جيجاهيرتز، 5.470 جيجاهيرتز إلى 5.850 جيجاهيرتز
الهوائي	هوائي مُدمج جميع الاتجاهات
منافذ الخدمة	منفذان إيثرنت 2500/1000/100/10 ميجابت/ ثانية، ذاتيا التكيف
إعادة التشغيل / إعادة الضبط	مدعومة
مؤشر ليد الحالة	مدعوم
مصدر الطاقة	• تتوفر ثلاثة أوضاع لمصدر الطاقة: • الطاقة عبر إيثرنت القياسي: المعيار IEEE 802.3bt، المتوافق مع الأجهزة السابقة التي تعمل وفق المعيار IEEE 802.3at • محول طاقة عبر إيثرنت 60 واط سلبي (ملحق اختياري) • مصدر الطاقة المحلي: 48 فولت تيار مستمر (مباشر)/ 1 أمبير ملاحظة: نقطة الوصول لا تتوافق مع المعيار 802.3af. (الرجاء مراجعة الملحق للاطلاع على أوضاع مصدر الطاقة ومعدل البيانات المناظر.)
أقصى استهلاك للطاقة	≥ 40 واط
البيئة	درجة حرارة التشغيل: من صفر إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت)
	درجة حرارة التخزين: -40 إلى 70 درجة مئوية (-40 إلى 158 درجة فهرنهايت)
	نسبة رطوبة التشغيل: 5% إلى 95% (بدون تكاثف)
	نسبة رطوبة التخزين: 5% إلى 95% (بدون تكاثف)
الوزن	≥ 1.8 كجم (3.97 رطل، بدون كتيفة التثبيت)
اللون	أبيض دافئ

1.4 المؤشر الليد وثقب إعادة الضبط

	الحالة	الوصف
المؤشر الليد	أزرق ثابت	نقطة الوصول لا تعمل بالطريقة الصحيحة بدون إنذارات.
	مطفأ	نقطة الوصول تستقبل الطاقة.

	وميض بطيء	نقطة الوصول تعمل بالطريقة الصحيحة ولكن تم إنشاء إنذار.
	وميض سريع	الحالات الممكنة: 1. نقطة الوصول تستعيد إعدادات المصنع. 2. جارٍ ترقية البرنامج الثابت. 3. التعامل مع الإنذارات تلقائيًا. 4. بدء تشغيل نقطة الوصول.
ثقب إعادة الضبط (RESET)	اضغط المسمار (بدون رأس) مع الاستمرار في ثقب إعادة الضبط (RESET) لثانيتين (2).	أعد تشغيل نقطة الوصول.
	اضغط المسمار (بدون رأس) مع الاستمرار في ثقب إعادة الضبط (RESET) لأكثر من 5 ثوانٍ.	قم باستعادة إعدادات المصنع لنقطة الوصول.

1.5 الأدوات (يوفرها العميل)

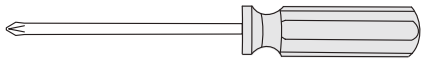

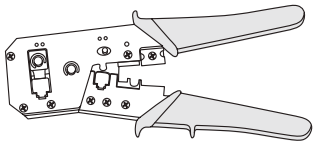

مفك متقاطع الرأس (صليبة) زرادية تغضين (أرّاجة)

1.6 تركيب نقطة الوصول بدون قفل التأمين

لتركيب نقطة الوصول بقفل التأمين، الرجاء مراجعة قسم تركيب نقطة الوصول بقفل التأمين.

1. احفر أربعة ثقوب على أن تكون بين كل منها مسافة 53 ملم (2.09 بوصة) على الجدار أو السقف.

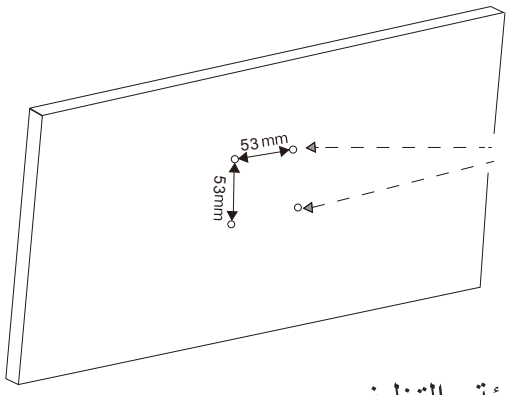

احفر أربعة ثقوب.

2. أخرج كتيفة التثبيت من مواد التعبئة والتغليف.

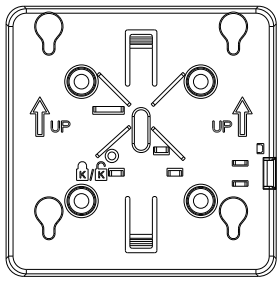

3. ثبت كتيفة التثبيت على السقف أو الجدار بالبراغي.

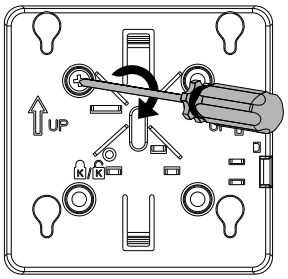

4. أوصل كابل الإيثرنت إلى المنفذ LAN الموجود بالجزء الخلفي لنقطة الوصول.

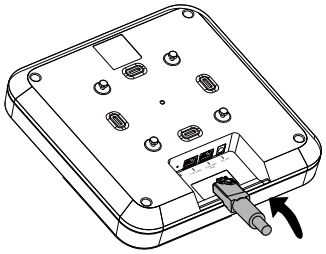

5. حاذِ القدم المربعة الموجودة بالجزء الخلفي لنقطة الوصول فوق ثقوب التثبيت التي بالكتيفة. وأزلق نقطة الوصول في الثقوب إلى أن تثبت في مكانها مع سماع صوت طقة.

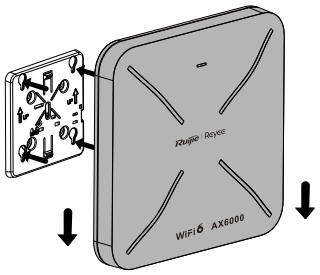

1.7 تركيب نقطة الوصول بقفل التأمين (اختياري)

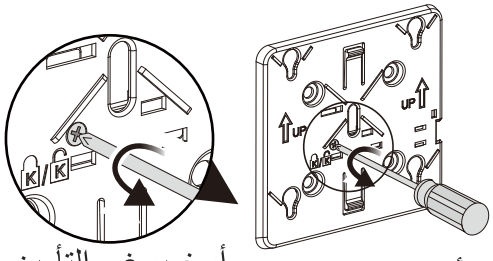

أرخِ برغي التأمين

أرخِ برغي التأمين لتعشيق قفل التأمين.

⚠ أوصل كابل الإيثرنت قبل تثبيت نقطة الوصول على الكتيفة

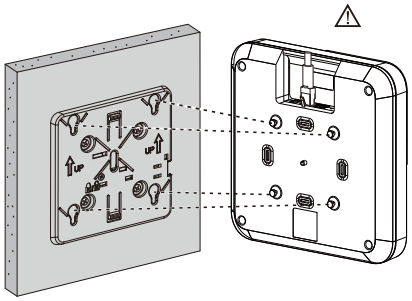

حاذِ القدم المربعة الموجودة بالجزء الخلفي لنقطة الوصول فوق ثقوب التثبيت التي بالكتيفة. وأزلق نقطة الوصول في ثقوب التثبيت.

تنبيه:
أزلق نقطة الوصول في الثقوب في الاتجاه العكسي للسهم (UP) المبين على الكتيفة إلى أن تثبت في مكانها مع سماع صوت طقة. وممنوع إزلاق نقطة الوصول بقوة في ثقوب التثبيت على الكتيفة. وبعد التركيب، تحقق من ثبات نقطة الوصول بطريقة صحيحة على الكتيفة.

1.8 نزع نقطة الوصول

1. في حالة استخدام قفل التأمين، حافظ على الجزء العلوي للمفتاح على حافة كتيفة التثبيت (مع توجه شعار Ruijie الذي على المفتاح لأعلى). أزلق المفتاح على الحافات الأربع لكتيفة التثبيت.
2. حاول إدخال المفتاح في ثقب المفتاح. ولا يمكن إدخاله إلا في الثقب الذي عليه علامة ثقب المفتاح.

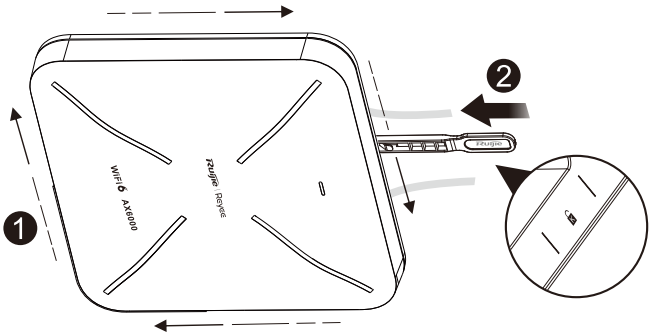

إدخال المفتاح لإلغاء التأمين *علامة ثقب المفتاح*

نزع نقطة الوصول المركبة على الجدار

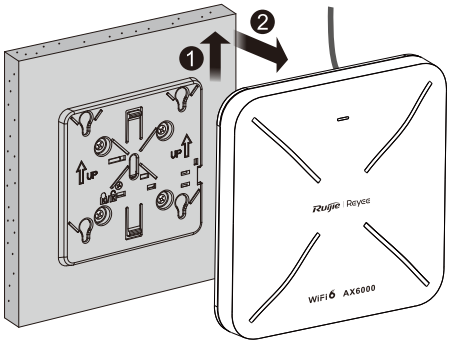

أمسك نقطة الوصول بيديك وادفعها لأعلى وإلى خارج الكتيفة.

نزع نقطة الوصول المركبة على السقف

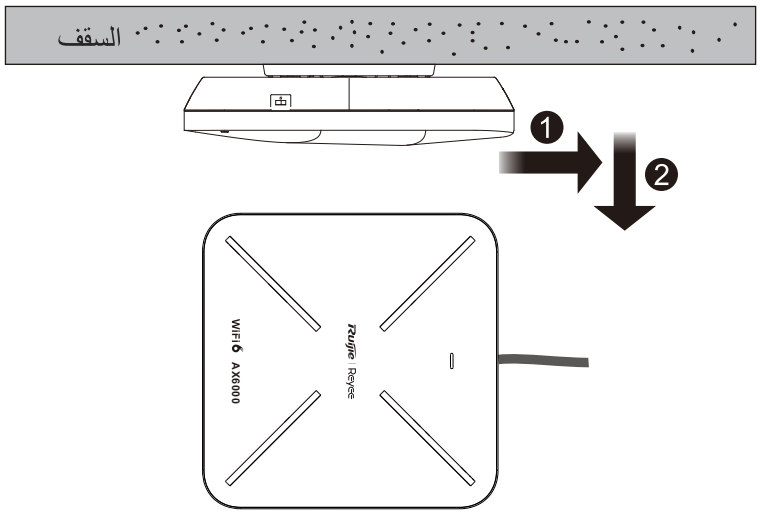

أمسك نقطة الوصول بيديك وحاول دفعها إلى خارج الكتيفة في كل اتجاه. ولا يمكن دفع نقطة الوصول إلا في اتجاه واحد فقط من الاتجاهات الأربعة.

1.9 تكوين نقطة الوصول

الطريقة الأولى (يوصى بها)

قم بمسح رمز QR ضوئيًا الموجود بالدليل أو على الجهاز لتنزيل تطبيق خدمة Ruijie السحابية. ابحث عن First time use Ruijie Reyee? (هل تستخدم خدمة Ruijie السحابية لأول مرة؟) اتبع الإرشادات التي بالتطبيق لتكوين الشبكة.

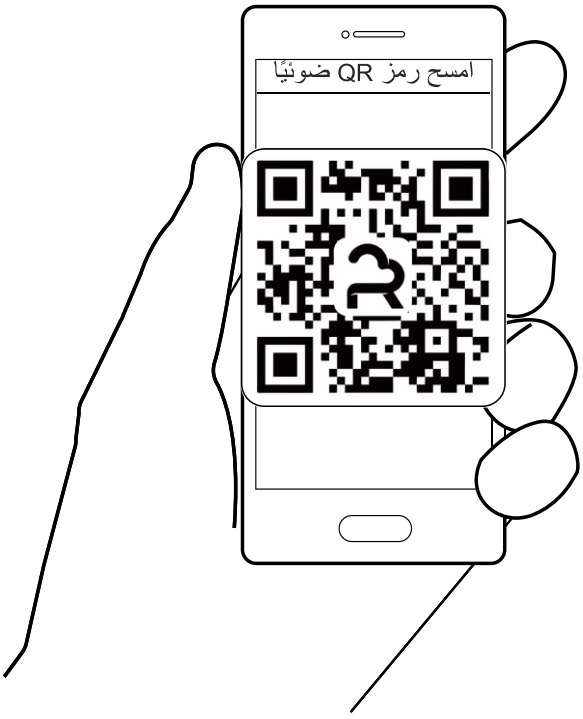

الطريقة الثانية

1. أوصل نقطة الوصول بالمعرف SSID. وفي حالة وجود أجهزة متعددة في الشبكة، استخدم SSID @Ruijie-mXXXX. فإن وُجد جهاز واحد في الشبكة فاستخدم SSID @Ruijie-sXXXX. ويمكنك أيضًا إنشاء اتصال سلكي بتوصيل جهاز الكمبيوتر الشخصي الخاص بك إلى المنفذ Ethernet لنقطة الوصول بكابل إيثرنت.
2. في حالة وجود جهاز Reyee واحد فقط في الشبكة، فقم بالاتصال بالموقع http://192.168.120.1 عن طريق المستعرض. وخلاف ذلك، قم بالاتصال بالموقع

http://10.44.77.253. وفي هذه الحالة الثانية، قم بتكوين هاتفك أو جهاز الكمبيوتر الشخصي لديك بعنوان بروتوكول إنترنت بنفس مقطع الشبكة كما 10.44.77.253، على سبيل المثال 10.44.77.250.

3. انقر فوق Start Setup (ابدأ الإعداد) لإنشاء مشاريع شبكة.

1.10 الملحق

دخل الطاقة	مصدر الطاقة المحلي: 48 فولت تيار مستمر (مباشر)/ 1 أمبير الطاقة عبر إيثرنت القياسي: المعيار IEEE 802.3bt، المتوافق مع الأجهزة السابقة التي تعمل وفق المعيار IEEE 802.3at			
وضع مصدر الطاقة	2.4 جيجاهيرتز	5 جيجاهيرتز	معدل البيانات	أقصى استهلاك للطاقة
المعيار IEEE 802.3bt (يوصى به)	4 × 4	4 × 4	5952 ميجابت/ ثانية	40 واط
محول طاقة عبر إيثرنت 60 واط سلبي (ملحق اختياري)	4 × 4	4 × 4	5952 ميجابت/ ثانية	40 واط
مصدر الطاقة المحلي (48 فولت تيار مستمر (مباشر) / 1 أمبير	4 × 4	4 × 4	5952 ميجابت/ ثانية	40 واط
المعيار IEEE 802.3at	2 × 2	2 × 2	2976 ميجابت/ ثانية	25 واط
ملاحظة: نقطة الوصول لا تتوافق مع المعيار **802.3af**.				

Benutzerhandbuch

1.1 Verpackungsinhalt

Artikel	Menge
Host	1
Montagehalterung	1
Phillips-Schraube	4
Wandanker	4
Benutzerhandbuch	1
Qualitätszertifikat	1

1.2 Hardware-Eigenschaften

Draufsicht

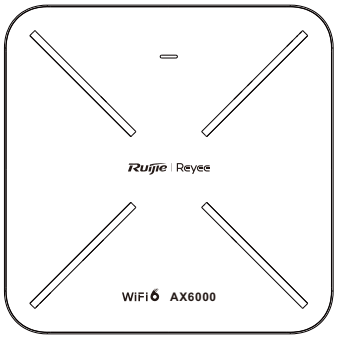

Unteransicht

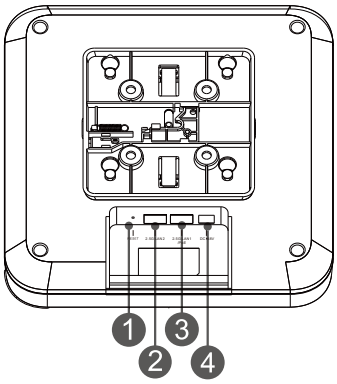

Hinweis: ① RESET-Loch ② LAN2/2.5G-Port ③ LAN1/2.5G/PoE-Port ④ 48 V DC-Eingangsstecker

PoE-Stromversorgung: Verbinden Sie ein Ende des Ethernet-Kabels mit dem LAN1/2.5G/PoE Port des Access Points und das andere Ende an einen PoE-fähigen Switch oder an eine andere Stromquellenausrüstung (PSE, Power Source Equipment).

DC-Stromversorgung: Verbinden Sie den DC-Adapter (48 V/1A) mit dem DC-Eingangsstecker auf dem Access Point.

1.3 Technische Spezifikationen

Artikel	Spezifikation
Maße (B x T x H)	230 mm × 230 mm × 48mm (9,06 Zoll × 9,06 Zoll × 1,89 Zoll), ohne die Montagehalterung
Bitfrequenz	2,4 GHz: bis zu 1148 Mbps 5 GHz: bis zu 4804 Mbps Kombiniert: 5952 Mbps
Betriebsfunk	802,11 b/g/n/ax: 2,4 GHz bis 2,4835 GHz 802,11 a/n/ac/ax: 5,150 GHz bis 5,350 GHz, 5,470 GHz bis 5,850 GHz
Antenne	Eingebaute omnidirektionale Antenne
Service-Ports	Zwei 10/100/1000/2500 Mbps selbstanpassende Ethernet-Ports
Neustart/Reset	Unterstützt
Status-LED	Unterstützt
Stromversorgung	Es stehen drei Stromversorgungsmodi zur Verfügung: ● Standard PoE: IEEE 802.3bt Standard, rückwärtskompatibel mit dem IEEE 802.3at Standard ● 60 W Passiver PoE Adapter (optionales Zubehörteil) ● Lokale Stromversorgung: 48 V DC /1 A Hinweis: Der Access Point ist nicht 802.3af-konform. (Siehe Anhang für Stromversorgungsmodi und entsprechende Bitfrequenz.)
Max. Stromverbrauch	≤ 40 W
Umgebung	Betriebstemperatur: 0 °C bis 40°C (32 °F bis 104°F)
	Lagertemperatur: -40°C bis 70°C (-40°F bis 158°F)
	Betriebsfeuchtigkeit: 5 % bis 95 % rF (nicht kondensierend)
	Lagerfeuchtigkeit: 5 % bis 95 % rF (nicht kondensierend)
Gewicht	≤ 1,8 kg (3,97 lbs, ohne die Montagehalterung)
Farbe:	Warmes Weiß

1.4 LED und Reset-Loch

	Status	Beschreibung
LED	Durchgehend blau	Der Access Point funktioniert korrekt ohne Alarme.
	Aus	Der Access Point erhält keinen Strom.
	Blinkt langsam	Der Access Point funktioniert korrekt, aber es wird ein Alarm generiert.
	Blinkt schnell	Mögliche Fälle: 1. Rückstellung des Access Point auf Werkseinstellungen. 2. Upgrade der Firmware. 3. Automatische Handhabung der Alarme 4. Start des Access Points

Reset-Loch	Drücken und halten Sie den Stift für weniger als 2 Sekunden in das Reset-Loch.	Neustart des Access Points.
	Drücken und halten Sie den Stift für mehr als 5 Sekunden in das Reset-Loch.	Wiederherstellung des Access Points auf Werkseinstellungen.

1.5 Tools (vom Kunden bereitgestellt)

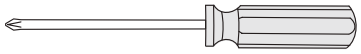

Phillips-Schraubenzieher

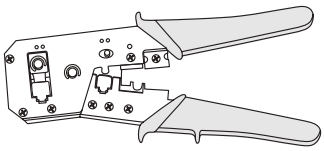

Presszange

1.6 Montage des Access Points ohne Sicherheitssperre

Um den AP mit der Sicherheitssperre zu montieren, siehe Montage des Access Points mit Sicherheitssperre.

1. Bohren Sie vier Löcher mit einem Abstand von 53 mm (2,09 Zoll) in di Wand oder Decke.

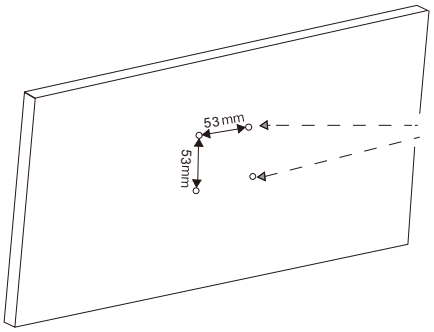

Bohren Sie vier Löcher.

2. Nehmen Sie die Montagehalterung aus der Verpackung.

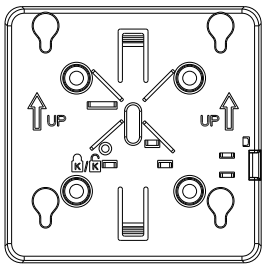

3. Sichern Sie die Montagehalterung an der Decke oder an der Wand mit Hilfe

Deutsch

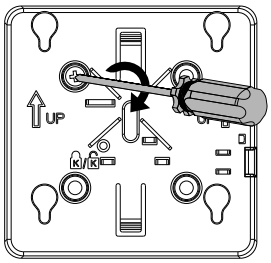

4. Verbinden Sie das Ethernet-Kabel mit dem LAN-Port auf der Rückseite des AP.

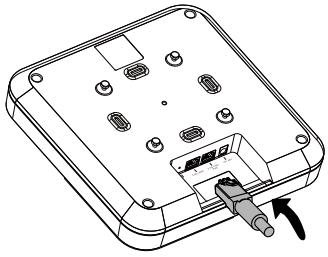

5. Richten Sie die Vierkantfüße auf der Rückseite des AP auf die Befestigungslöcher der Halterung aus. Schieben Sie die AP in die Löcher bis er einrastet

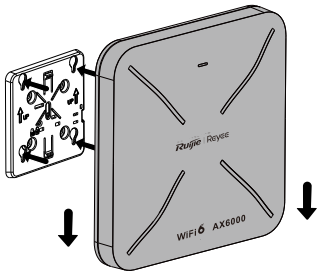

1.7 Montage des Access Point mit Sicherheitssperre (optional)

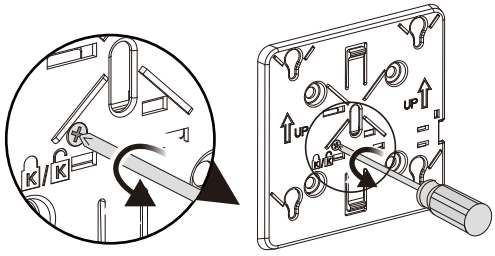

Lockern Sie die Sicherheitsschraube

Lockern Sie die Sicherheitsschraube, um die Sicherheitssperre zu aktivieren.

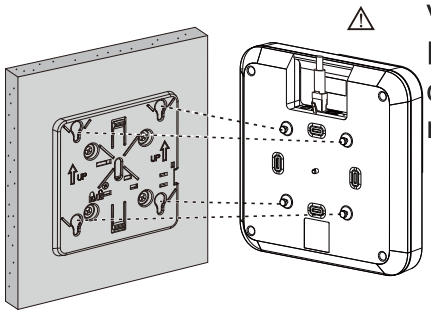

⚠ Verbinden Sie das Ethernet-Kabel bevor Sie den AP auf die Halterung montieren

Richten Sie die Vierkantfüße auf der Rückseite des AP auf die Befestigungslöcher der Halterung aus. Schieben Sie den AP auf die Montagelöcher.

Achtung:
Schieben Sie den AP in die Montagelöcher in rückwärtiger Ausrichtung zum Pfeil (nach oben), der auf der Halterung angegeben ist, bis er einrastet. Schieben Sie den AP nicht mit Gewalt in die Montaglöcher auf den Halterungen. Überprüfen Sie nach der Installation ob der AP korrekt auf der Halterung gesichert ist

.

1.8 Entfernung des Access Points

1. Wenn die Sicherheitssperre verwendet wird, halten Sie die Oberseite des Schlüssels gegen die Kante der Halterung (das Ruijie-Logo auf dem Schlüssel muss nach oben zeigen). Schieben Sie den Schlüssel entlang der vier Kanten der Montagehalterung.
2. Versuchen Sie, den Schlüssel in das Schlüsselloch einzustecken. Er kann nur in ein gekennzeichnetes Schlüsselloch eingesteckt werden.

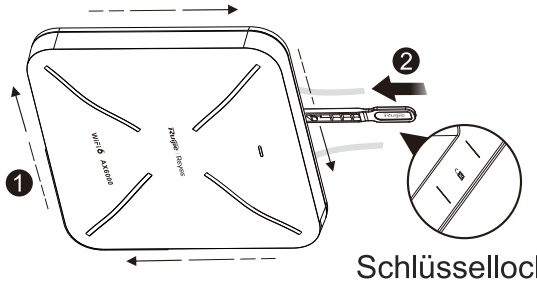

Schlüssellochkennzeichnung

Einstecken des Schlüssels zum Entsperren

Entfernung des an die Wand montierten AP

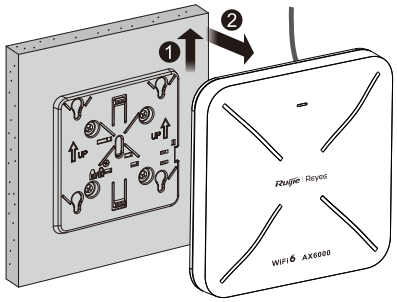

Halten Sie den AP in Ihren Händen und drücken Sie ihn nach oben und weg von Halterungen.

Entfernung des an der Decke montierten AP

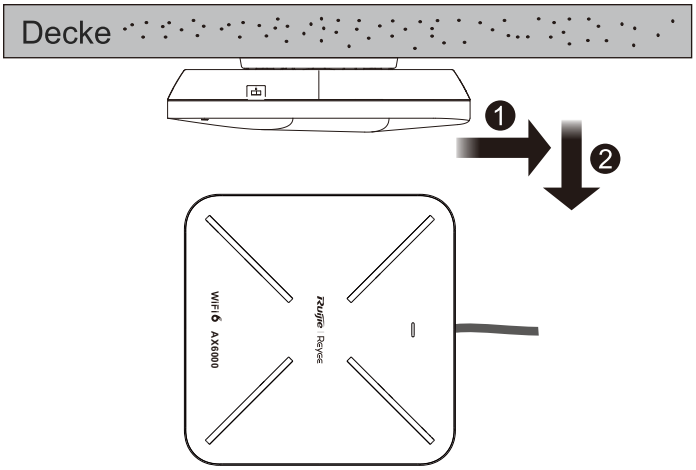

Halten Sie den AP in Ihren Händen und versuchen Sie, ihn von der Halterung in jede Richtung wegzudrücken. Der AP kann nur in eine der vier Richtungen herausgedrückt werden.

1.9 Konfiguration des Access Points

Methode 1 (Empfohlen)

QR-Code im Handbuch oder am Gerät scannen, um die Ruijie Reyee App herunterzuladen. Verwenden Sie Ruijie Cloud zum ersten Mal? Befolgen Sie die Anleitung auf der App, um das Netzwerk zu konfigurieren.

Methode 2

1. Verbinden des Access Points mit dem SSID. Wenn im Netzwerk mehrere Geräte vorhanden sind, verwenden Sie SSID @Ruijie-mXXXX. Wenn nur ein Gerät im Netzwerk vorhanden ist, verwenden Sie SSID @Ruijie-sXXXX. Sie können auch eine kabelgebundene Verbindung herstellen, indem Sie Ihren PC mit einem Ethernet-Kabel an das Ethernet-Port des Access Points anschließen.

2. Wenn im Netzwerk nur ein Reyee-Gerät vorhanden ist, greifen Sie über den Browser auf http://192.168.120.1 zu. Andernfalls Zugriff auf http://10.44.77.253. Konfigurieren Sie im letzteren Fall Ihr Telefon oder Ihren PC mit einer IP-Adresse im gleichen Netzwerksegment wie 10.44.77.253, z. B. 10.44.77.250.

3. Klicken Sie auf „Einstellung starten“, um Netzwerkprojekte zu erzeugen.

1.10 Anhang

Stromeingang	Lokale Stromversorgung 48 V DC/1 A			
	Standard-PoE: IEEE 802.3bt Standard, rückwärtskompatibel mit dem IEEE 802.3at Standard			
Stromversorgungsmodus	2,4 GHz	5 GHz	Bitfrequenz	Max. Stromverbrauch
IEEE 802.3bt Standard (empfohlen)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
60 W Passiver PoE-Adapter (Optionales Zubehörteil)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Lokale Stromversorgung (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
IEEE 802.3at Standard	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Hinweis: Der Access Point ist nicht 802.3af-konform.				

Manuel d'utilisation

1.1 Contenu du carton

Article	Quantité
Hôte	1
Support de fixation	1
Vis cruciforme	4
Ancrages muraux	4
Manuel d'utilisation	1
Certificat de qualité	1

1.2 Caractéristiques matérielles

Vue de dessus

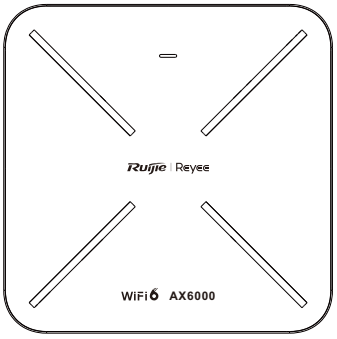

Vue de dessous

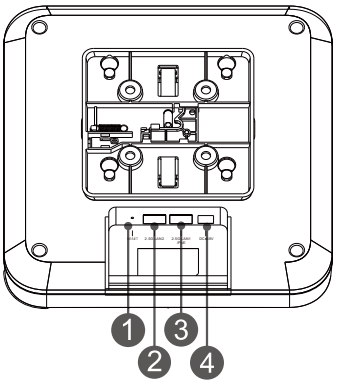

Description :	① Bouton de réinitialisation	② Port LAN2 / 2,5G
	③ Port LAN1 / 2,5G / PoE	④ Prise d'entrée 48 V CC

Alimentation PoE : Connectez une extrémité du câble Ethernet au port LAN1 / 2,5G / PoE du point d'accès, et l'autre extrémité à un commutateur compatible PoE ou à un autre équipement de source d'alimentation (PSE).
Alimentation en courant continu : Connectez l'adaptateur d'alimentation CC (48 V/1 A) à la prise d'entrée CC du point d'accès.

1.3 Caractéristiques Techniques

Article	Caractéristiques techniques
Dimensions (l x P x H)	230 mm × 230 mm × 48 mm (9,06 pouces × 9,06 pouces × 1,89 pouce, sans le support de fixation)
Débit de transmission des données	2,4 GHz : jusqu'à 1148 Mbps 5 GHz : jusqu'à 4804 Mbps Combiné : 5952 Mbps
Bande de fréquence radio	802.11 b/g/n/ax : de 2;4 GHz à 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax : de 5,150 GHz à 5,350 GHz et de 5,470 GHz à 5,850 GHz
Antenne	Antennes omnidirectionnelles intégrées
Types de ports	Deux ports Ethernet auto-adaptatif 10/100/1000/2500 Mbps
Redémarrage/Réinitialisation	Pris en charge
État des indicateurs lumineux LED	Pris en charge
Alimentation	Trois modes d'alimentation disponibles : ● PoE standard : Norme IEEE 802.3bt, rétrocompatible avec la norme IEEE 802.3at. ● Adaptateur PoE passif 60 W (accessoire en option) ● Alimentation locale : 48 V CC /1 A Remarque : ce point d'accès n'est pas compatible à la norme 802.3af. (Voir l'annexe pour les modes d'alimentation et le débit de données respectif)
Puissance maximale consommée	≤ 40 W
Environement	Température de fonctionnement : 0°C à 40°C (32°F à 104°F)
	Température de stockage : -40°C à 70°C (-40°F ~ 158°F)
	Taux d'humidité en fonctionnement : de 5% à 95% (sans condensation)
	Taux d'humidité en stockage : de 5% à 95% (sans condensation)
Poids	≤ 1,8 kg (sans le support de fixation).
Couleur	Blanc vif

1.4 Indicateur lumineux LED et bouton de réinitialisation

	État	Description
LED	Bleu stable	Le point d'accès fonctionne correctement et ne présente aucune inquiétude.
	Éteint	Le point d'accès n'est pas alimenté.
	Clignotement lent	Le point d'accès fonctionne mais une alarme est déclenchée.

	Clignotement rapide	Explications plausibles : 1. Restauration des paramètres d'usine du point d'accès. 2. Mettre à niveau le micrologiciel. 3. Gestion automatique des alarmes. 4. Mise en service du point d'accès.
Bouton de réinitialisation	Appuyez et maintenez la broche sur le bouton de réinitialisation pendant moins de 2 secondes.	Redémarrer le point d'accès.
	Appuyez et maintenez la broche sur le bouton de réinitialisation pendant plus de 5 secondes.	Rétablir les paramètres d'usine du point d'accès.

1.5 Outils (à la charge du client)

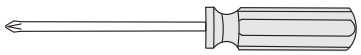

Tournevis cruciforme

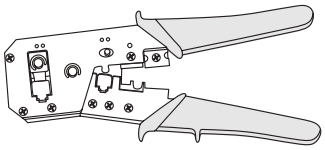

Pince à sertir

1.6 Fixation du point d'accès sans verrou de sécurité

Pour monter le point d'accès avec le verrou de sécurité, voir la section Installation du point d'accès avec le verrou de sécurité.

1. Percez quatre trous espacés de 53 mm (2,09 pouces) sur le mur ou le plafond.

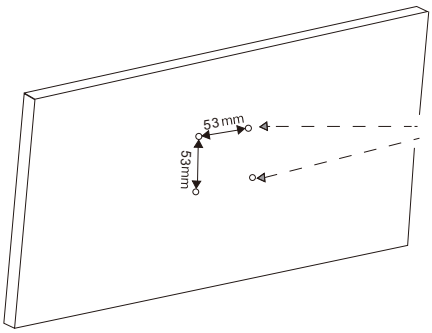

Percez quatre trous.

2. Sortez le support de fixation de son emballage.

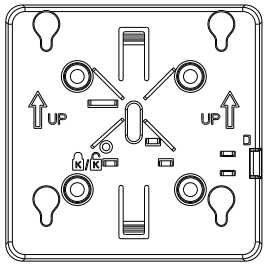

Français

3. Fixez le support au plafond ou au mur à l'aide de vis.

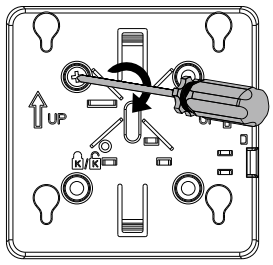

4. Connectez le câble Ethernet au port LAN situé à l'arrière du PA.

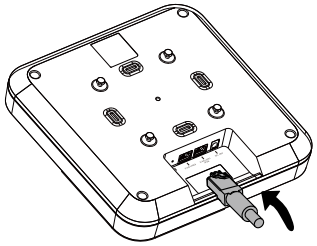

5. Alignez les quatre pieds à l'arrière du PA sur les trous de fixation du support. Faites glisser le PA dans les trous jusqu'à ce qu'il s'encastre.

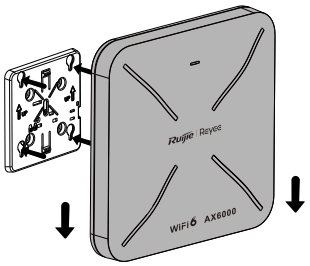

1.7 Installation du point d'accès avec un verrou de sécurité (en option)

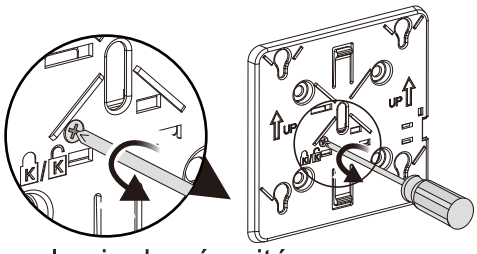

Dévissez la vis de sécurité

Desserrez la vis de sécurité pour engager le verrou de sécurité.

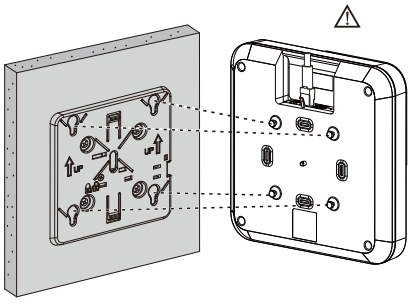

Connectez le câble Ethernet avant de monter le point d'accès sur le support.

Alignez les quatre pieds à l'arrière du PA sur les trous de fixation du support. Faites glisser le PA dans les trous de fixation.

Attention :
Faites glisser le PA dans les trous de fixation dans le sens inverse de la flèche (HAUT) indiquée sur le support jusqu'à ce qu'il s'encastre. Ne forcez pas le PA à s'insérer dans les trous de montage des supports. Après l'installation, vérifiez que le PA est correctement fixé sur le support

1.8 Démonter le point d'accès

1. Si la serrure de sécurité est utilisée, maintenez le haut de la clé contre le bord du support de fixation (avec le logo Ruijie sur la clé pointé vers le haut). Faites glisser la clé le long des quatre bords du support de montage.
2. Essayez d'insérer la clé dans le trou de serrure. Il ne peut être inséré que dans un seul trou de serrure dûment marqué.

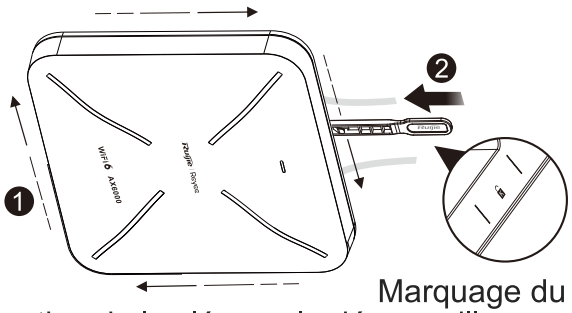

Marquage du trou de serrure

Insertion de la clé pour le déverrouillage

Démontage du PA mural

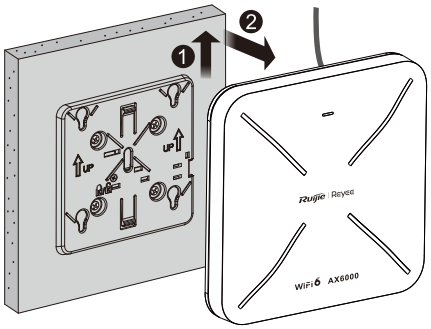

Tenez le PA dans vos mains et poussez-le vers le haut en l'éloignant du support.

Démontage du PA au plafond

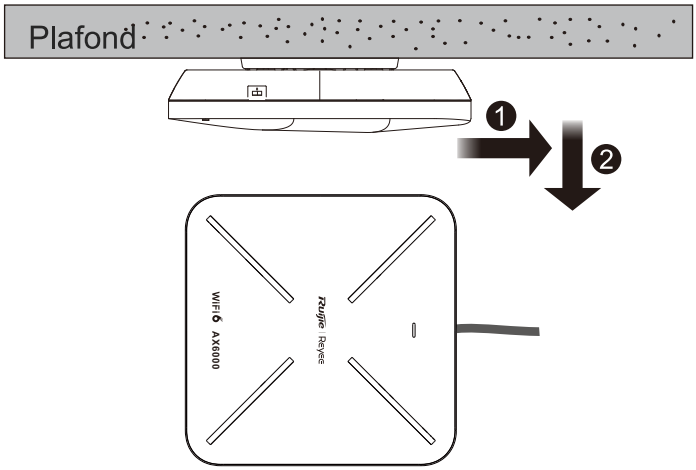

Tenez le PA dans vos mains et essayez de le pousser pour l'éloigner du support dans chacune des deux directions. Le PA ne peut être poussé que dans l'une des quatre directions horizontales.

1.9 Configuration du point d'accès

Méthode 1 (Recommandée)

Scannez le code QR figurant sur le manuel ou sur l'appareil afin de télécharger l'application Reyee Router. Est-ce la première fois que vous utilisez une solution Ruijie Reyee? Suivez le guide de l'application pour paramétrer le réseau.

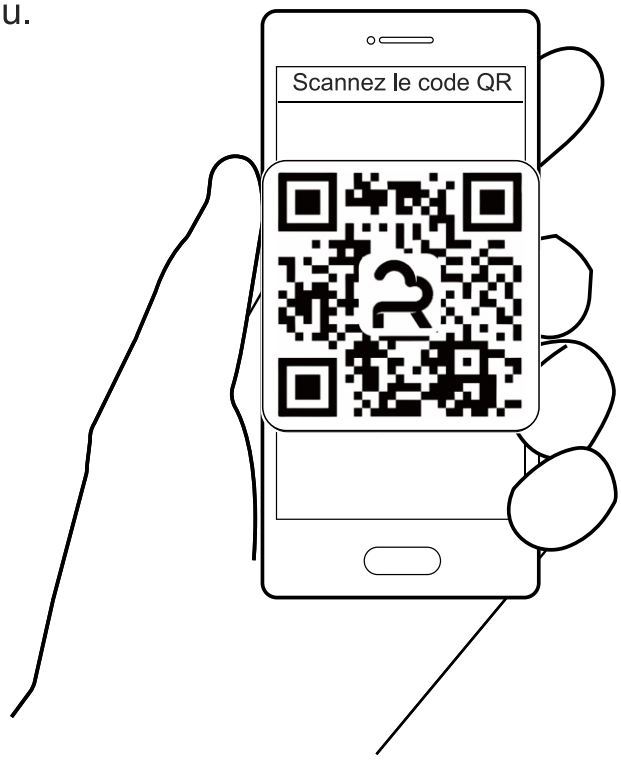

Méthode 2

1. Connectez le point d'accès au SSID. Si plusieurs équipements sont présents dans le réseau, utilisez le SSID @Ruijie-mXXXX. Si un seul équipement se trouve dans le réseau, utilisez le SSID @Ruijie-sXXXX. Vous

pouvez également établir une connexion filaire en connectant votre PC au port Ethernet du point d'accès à l'aide d'un câble Ethernet.
2. S'il n'y a qu'un seul équipement Reyee dans le réseau, connectez-vous à l'adresse http://192.168.120.1 à partir d'un navigateur. Sinon, connectez-vous à l'adresse http://10.44.77.253 Dans ce dernier cas, paramétrez votre téléphone ou votre PC avec une adresse IP dans le même segment de réseau que 10.44.77.253, par exemple, 10.44.77.250.
3. Cliquez sur Start Setup pour créer des projets de réseau.

1.10 Annexe

Alimentation électrique	Alimentation locale : 48 V CC/1 A			
	PoE standard : Norme IEEE 802.3bt, rétrocompatible avec la norme IEEE 802.3at			
Mode d'alimentation électrique	2,4 GHz	5 Ghz	Débit de transmission des données	Puissance électrique maximale consomée
Norme IEEE 802.3bt (recommandé)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Adaptateur PoE passif 60 W (accessoire en option)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Alimentation locale : 48 V CC/1 A	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Norme IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Remarque : le point d'accès n'est pas compatible à la norme 802.3af.				

Manual del usuario

1.1 Contenido de la caja

Elemento	Cantidad
Punto de acceso	1
Soporte de montaje	1
Tornillo Phillips	4
Anclaje de pared	4
Manual del usuario	1
Certificado de calidad	1

1.2 Características del hardware

Vista superior

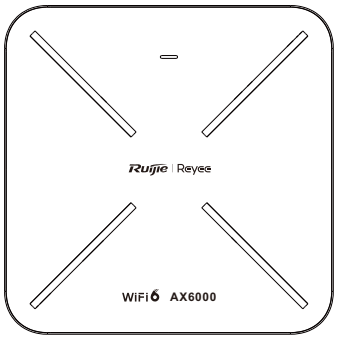

Vista inferior

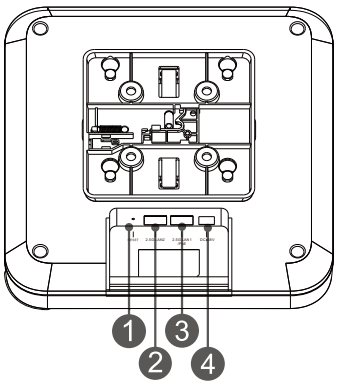

Nota: ①Hueco de RESTABLECIMIENTO ② Puerto LAN2/2,5 G/PoE
③Puerto LAN1/2,5 G/PoE ④ Enchufe de entrada de 48 V CC

Fuente de alimentación PoE: Conecte un extremo del cable Ethernet al puerto LAN1/2,5 G/PoE del punto de acceso y el otro extremo a un interruptor con capacidad PoE u otro equipo de fuente de alimentación.

Fuente de alimentación CC: Conecte el adaptador de corriente CC (48 V/1 A) al enchufe de entrada CC, en el punto de acceso.

1.3 Especificaciones técnicas

Elemento	Especificación
Dimensiones (ancho × fondo × alto)	230 mm × 230 mm × 48 mm (sin el soporte de montaje)
Velocidad de datos	2,4 GHz: hasta 1148 Mbps 5 GHz: hasta 4804 Mbps Combinados: 5952 Mbps
Radio de funcionamiento	802.11b/g/n/ax: 2,4 GHz a 2,4835 GHz 802.11a/n/ac/ax: 5,150 GHz a 5,350 GHz; 5,470 GHz a 5,850 GHz
Antena	Antena omnidireccional integrada
Puertos de servicio	Dos puertos Ethernet con ajuste automático de 10/100/1000/2500 Mbps
Reinicio/Restablecimiento	Compatible
Indicador LED de estado	Compatible
Fuente de alimentación	Hay tres modos de fuente de alimentación disponibles: ● PoE estándar: Estándar IEEE 802.3bt, retrocompatible con el estándar IEEE 802.3at ● Adaptador PoE pasivo de 60 W (accesorio opcional) ● Fuente de alimentación local: 48 V CC/1 A Nota: El punto de acceso no cumple con el 802.3af. (Consulte el Apéndice para conocer los modos de fuente de alimentación y sus respectivas velocidades de datos).
Consumo de energía máximo	≤ 40 W
Entorno	Temperatura de funcionamiento: 0°C a 40°C
	Temperatura de almacenamiento: -40 °C a 70 °C
	Humedad de funcionamiento: 5 % a 95 % (sin condensación)
	Humedad de almacenamiento: 5 % a 95 % (sin condensación)
Peso	< 1,8 kg (sin el soporte de montaje)
Color	Blanco cálido

1.4 LED y hueco de restablecimiento

	Estado	Descripción
LED	Azul sólido	El punto de acceso funciona correctamente y sin alarmas.
	Apagado	El punto de acceso no recibe energía.
	Parpadeo lento	El punto de acceso funciona correctamente, pero se ha generado una alarma.

	Parpadeo rápido	Casos posibles: 1. Restaurar el punto de acceso a la configuración de fábrica. 2. Actualizar el firmware. 3. Gestionar las alarmas automáticamente. 4. Iniciar el punto de acceso.
Hueco de restablecimiento	Mantenga presionado el alfiler contra el hueco de restablecimiento durante menos de 2 segundos.	Reiniciar el punto de acceso.
	Mantenga presionado el alfiler contra el hueco de restablecimiento durante menos de 5 segundos.	Restaurar el punto de acceso a la configuración de fábrica.

1.5 Herramientas (deben adquirirse por separado)

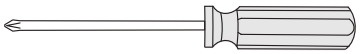

Destornillador Phillips

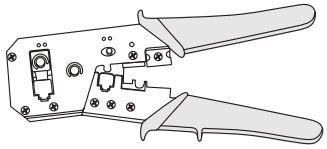

Alicates de presión

1.6 Montar el punto de acceso sin bloqueo de seguridad

Para montar el punto de acceso con el bloqueo de seguridad, consulte Montar el punto de acceso con bloqueo de seguridad.

1. Realice cuatro taladros con un espacio de 53 mm en la pared o el techo.

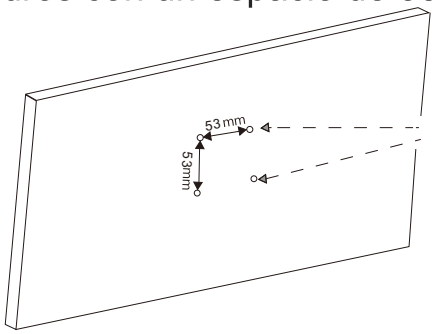

Realice cuatro taladros.

2. Saque el soporte de montaje de la caja.

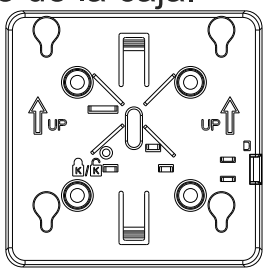

3. Fije el soporte de montaje a la pared o el techo con tornillos.

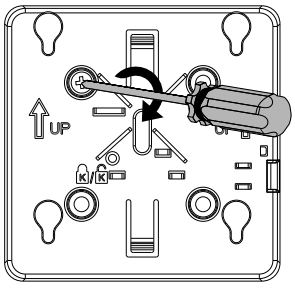

4. Conecte el cable Ethernet al puerto LAN de la parte posterior del soporte de montaje.

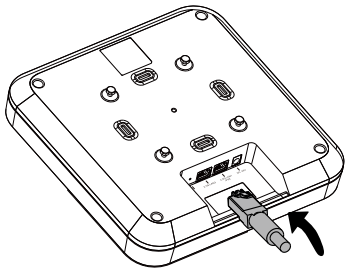

5. Alinee las patas cuadradas de la parte posterior del soporte de montaje sobre los huecos de montaje del soporte. Deslice el soporte de montaje en los huecos hasta fijarlo.

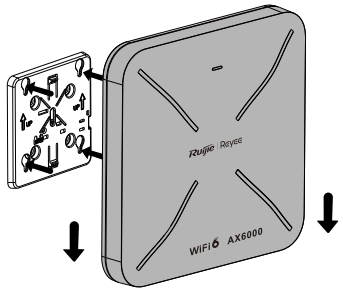

1.7 Montar el punto de acceso con bloqueo de seguridad (opcional)

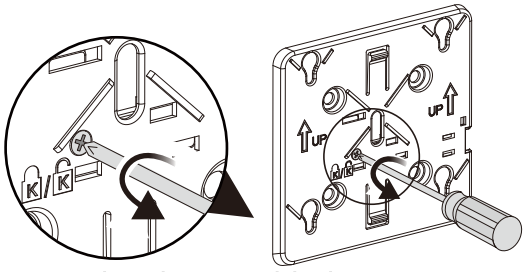

Afloje el tornillo de seguridad

Afloje el tornillo de seguridad para acceder al bloqueo de seguridad.

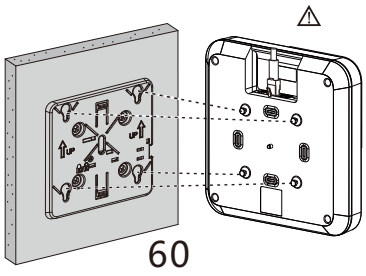

⚠ Conecte el cable Ethernet antes de montar el soporte de montaje

Español

Alinee las patas cuadradas de la parte posterior del soporte de montaje sobre los huecos de montaje del soporte. Deslice el soporte de montaje en los huecos de montaje.

Precaución:
Deslice el soporte de montaje en los huecos de montaje en la dirección contraria de la flecha (ARRIBA) que se indica en el soporte hasta fijarlo. No fuerce el soporte de montaje en los huecos de montaje. Tras la instalación, compruebe que el soporte de montaje esté bien fijado.

1.8 Retirar el punto de acceso

1. Si usa el bloqueo de seguridad, presione la parte superior de la llave contra el borde del soporte de montaje (con el logotipo de Ruijie de la llave apuntando hacia arriba). Deslice la llave junto con los cuatro bordes del soporte de montaje.
2. Intente introducir la llave en la cerradura. Solo se puede introducir en una cerradura marcada.

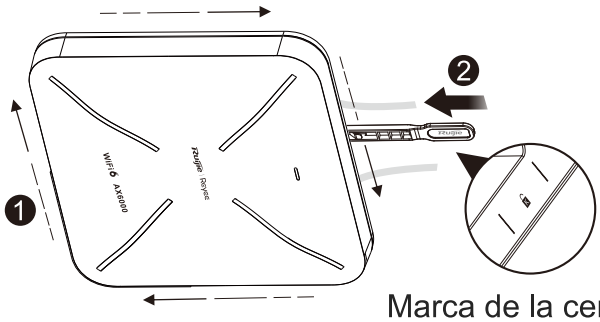

Marca de la cerradura

Introducir la llave para desbloquear

Retirar el soporte de montaje en pared

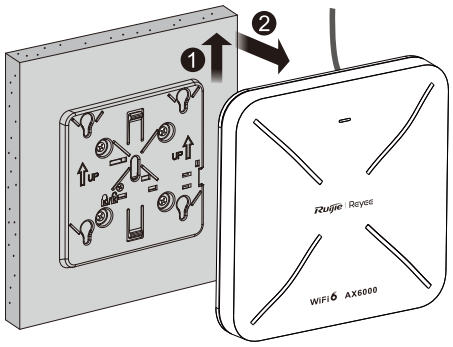

Sujete el soporte de montaje con las manos y empújelo hacia arriba y hacia fuera del soporte.

Retirar el soporte de montaje en techo

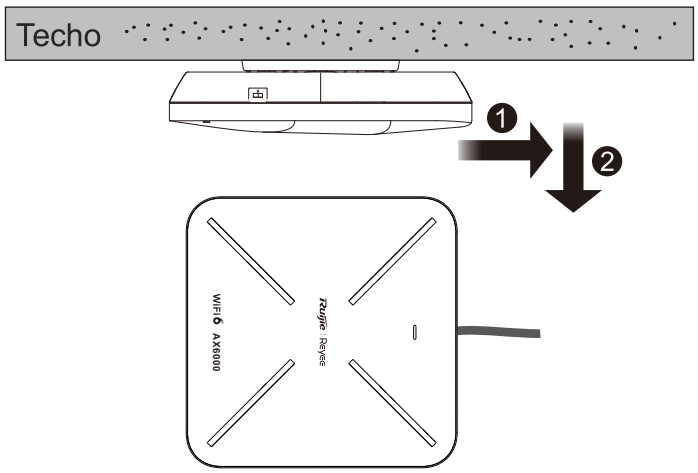

Sujete el soporte de montaje con las manos y empújelo hacia cada lado y hacia fuera del soporte. El soporte de montaje solo se puede sacar desde uno de los cuatro lados.

1.9 Configurar el punto de acceso

Método 1 (recomendado)

Escanee el código QR del manual o del dispositivo para descargar la aplicación Ruijie Reyee ¿Es la primera vez que usa Ruijie Cloud? Siga la guía de la aplicación para configurar la red.

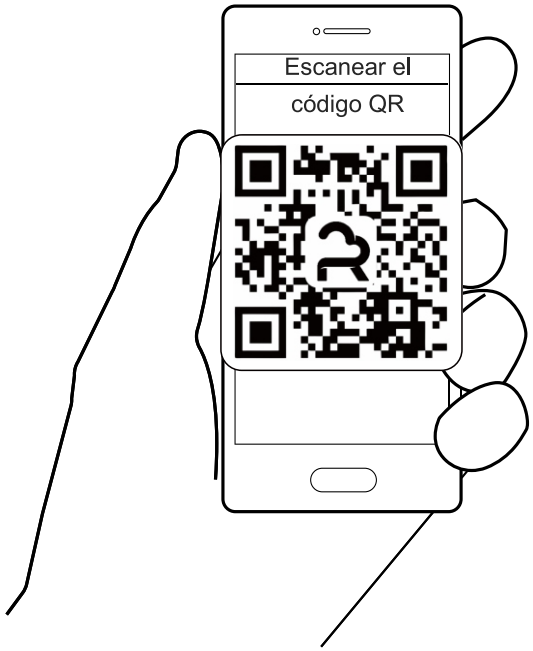

Método 2

1. Conecte el punto de acceso al SSID. Si hay varios dispositivos en la red, use el SSID @Ruijie-mXXXX. Si solo hay un dispositivo en la red, use el SSID @Ruijie-sXXXX. También puede crear una conexión por cable si conecta el PC al puerto Ethernet del punto de acceso mediante un cable Ethernet.
2. Si solo hay un dispositivo Reyee en la red, acceda a http://192.168.120.1 desde el navegador. Si no, acceda a http://10.44.77.253. En el último caso,

configure el teléfono o PC con una dirección IP que esté en el mismo segmento de red que 10.44.77.253, por ejemplo, 10.44.77.250.
3. Haga clic en Iniciar configuración para crear proyectos de red.

1.10 Apéndice

Entrada de energía	Fuente de alimentación local: 48 V CC/1 A			
	PoE estándar: Estándar IEEE 802.3bt, retrocompatible con el estándar IEEE 802.3at			
Modo de fuente de alimentación	2,4 GHz	5 GHz	Velocidad de datos	Consumo de energía máximo
Estándar IEEE 802.3bt (recomendado)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Adaptador PoE pasivo de 60 W (accesorio opcional)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Fuente de alimentación local (48 V CC/1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Estándar IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Nota: El punto de acceso no cumple con el 802.3af.				

Kullanıcı El Kitabı

1.1 Paket İçeriği

Öğe	Miktar
Host	1
Montaj Bağlantı Parçası	1
Yıldız Vida	4
Duvar Kenedi	4
Kullanıcı El Kitabı	1
Kalite Belgesi	1

1.2 Donanım Özellikleri

Üstten Görünüm

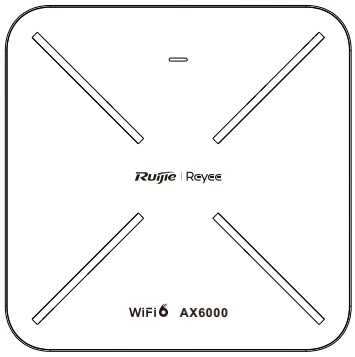

Alttan Görünüm

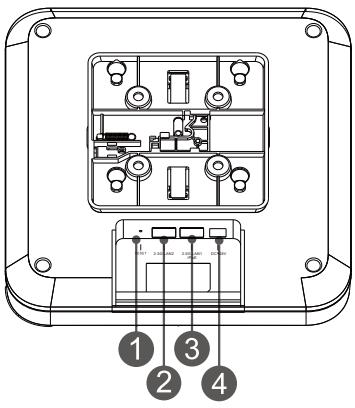

Not: ① Sıfırla (Reset) Deliği ② LAN2/2.5G Portu
③ LAN1/2.5G/PoE Portu ④ 48 V DC güç girişi

PoE güç kaynağı: Ethernet kablosunun bir ucunu erişim noktasının LAN1/2.5G/PoE portuna bağlayın, ve diğer ucunu ise PoE özellikli bir anahtara veya diğer güç kaynağı ekipmanına (PSE) bağlayın.

DC güç kaynağı: DC güç adaptörünü (48V/1A) erişim noktası üzerindeki DC girişine bağlayın.

1.3 Teknik Özellikler

Öğe	Özellik
Boyutlar (Genişlik x Derinlik x Yükseklik)	230 mm × 230 mm × 48mm (9,06 inç × 9,06 inç × 1,89 inç, montaj bağlantı parçası hariç)
Veri Hızı	2.4 GHz: 1148 Mbps'ye Kadar 5 GHz: 4804 Mbps'ye Kadar Birleşik: 5952 Mbps
Kullanılan Radyo	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz ila 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz ila 5.350 GHz, 5.470 GHz ila 5.850 GHz
Anten	Yerleşik çok yönlü anten
Hizmet Portları	İki 10/100/1000/2500 Mbps öz-uyarlamalı Ethernet portu
Yeniden Başlatma/Sıfırlama	Desteklenir
Durum LED'i	Desteklenir
Güç Kaynağı	Üç güç kaynağı modu vardır: ● Standart PoE: IEEE 802.3bt standardı, IEEE 802.3at standardı öncesiyle uyumludur ● 60 W Pasif PoE adaptörü (İsteğe bağlı aksesuar) ● Yerel güç kaynağı: 48 V DC /1 A Not: Erişim noktası 802.3af-uyumlu değildir. (Güç kaynağı modları ve karşılık gelen veri hızları için Ekler bölümüne başvurun.)
Maksimum Güç Tüketimi	≤ 40 W
Ortam	Çalışma Sıcaklığı: 0°C ila 40°C (32°F ila 104°F)
	Depolama Sıcaklığı: -40°C ila 70°C (-40°F ila 158°F)
	Çalışma nem koşulları: %5 ila %95, (yoğuşmasız)
	Depolama nem koşulları: %5 ila %95, (yoğuşmasız)
Ağırlık	≤ 1,8 kg (3,97 lbs, montaj bağlantı parçaları hariç)
Renk	Sıcak beyaz renk

1.4 LED ve Sıfırla (Reset) Deliği

	Durum	Açıklama
LED	Sabit/sürekli mavi yanıyor	Erişim noktası herhangi bir alarm olmaksızın düzgün bir biçimde çalışıyor.
	Kapalı/Sönük	Erişim Noktasına güç sağlanmıyor.
	Yavaş yanıp sönme	Erişim noktası düzgün bir biçimde çalışıyor ancak üretilen bir alarm var.

	Hızlı yanıp sönüyor	Olası durumlar: 1. Erişim noktası fabrika ayarlarına döndürülüyor. 2. Aygıt yazılımı (Firmware) yükseltiliyor. 3. Alarmlar otomatik olarak ele alınıyor. 4. Erişim noktası başlatılıyor.
Sıfırla (Reset) Deliği	Sıfırla (Reset) deliği içerisine bir iğne/ataç sokun ve 2 saniyeden daha kısa bir süre boyunca basılı tutun.	Erişim noktası yeniden başlatılır.
	Sıfırla (Reset) deliği içerisine bir iğne/ataç sokun ve 5 saniyeden daha uzun bir süre boyunca basılı tutun.	Erişim noktası fabrika ayarlarına döner.

1.5 Aletler (Müşteri tarafından sağlanmalıdır)

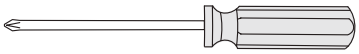

Phillips tornavida

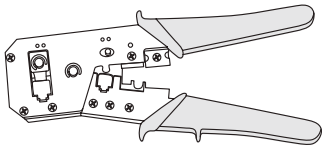

Pabuç sıkma pensesi

1.6 Erişim Noktasının Güvenlik Kilidi Olmadan Monte Edilmesi

Erişim Noktasını güvenlik kilidi kullanarak monte etmek istiyorsanız, "Erişim Noktasının Güvenlik Kilidi Kullanılarak Monte Edilmesi" bölümüne başvurun.

1. Duvara veya tavan üzerine aralarında 53 mm (2,09 inç) boşluk olacak şekilde dört adet delik delin.

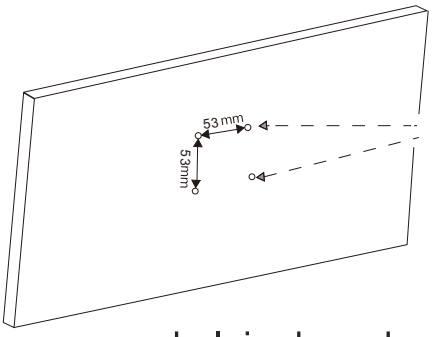

Dört adet delik delin.

2. Montaj bağlantı parçasını ambalajından çıkartın.

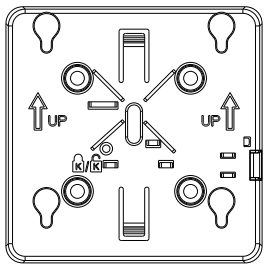

Türkçe

3. Vidaları kullanarak montaj bağlantı parçasını tavan veya duvar üzerine sabitleyin.

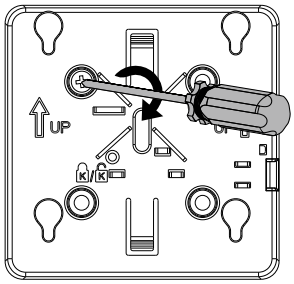

4. Ethernet kablosunu Erişim Noktasının arka tarafındaki LAN portuna bağlayın.

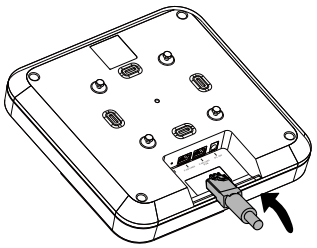

5. Erişim Noktasının arkasındaki kare ayağı montaj bağlantı parçası üzerindeki montaj delikleri üzerine hizalayın. Erişim Noktasını yerine oturana kadar delikler içerisine doğru kaydırın.

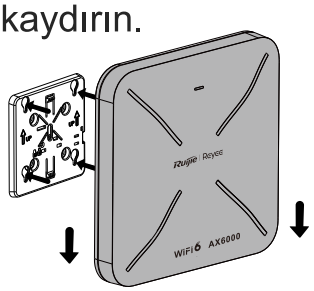

1.7 Erişim Noktasının Güvenlik Kilidi Kullanılarak Monte Edilmesi (İsteğe bağlı)

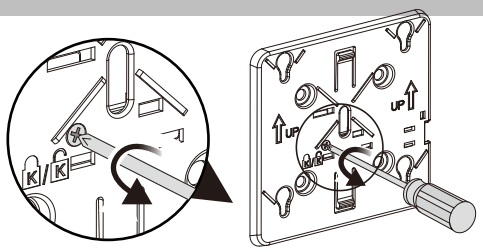

Güvenlik vidasının gevşetilmesi

Güvenlik kilidini bağlamak için güvenlik vidasını gevşetin.

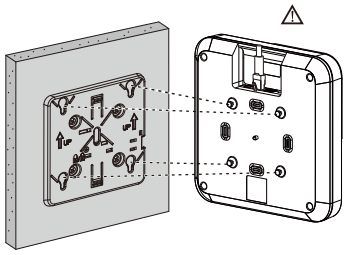

⚠ Erişim Noktasını bağlantı parçası üzerine monte etmeden önce Ethernet kablosunu bağlayın

Erişim Noktasının arkasındaki kare ayağı montaj bağlantı parçası üzerindeki montaj delikleri üzerine hizalayın. Erişim Noktasını montaj delikleri içerisine kaydırın.

Dikkat:
Erişim Noktası yerine oturana kadar, erişim noktasını bağlantı parçası üzerinde belirtilen yönün (Yukarı Yön) tersi yönünde montaj delikleri içerisine kaydırın. Erişim Noktasını bağlantı parçaları üzerindeki montaj delikleri içerisine güç kullanarak kaydırmayın. Kurulum sonrasında, Erişim Noktasının bağlantı parçası üzerinde düzgün bir biçimde sabitlendiğini doğrulayın

1.8 Erişim Noktasının Sökülmesi

1. Eğer güvenlik kilidi kullanılmış ise, anahtarın üst kısmını montaj bağlantı parçasının köşesine karşı tutun (anahtar üzerindeki Ruijie logosu yukarıya doğru bakmalıdır). Anahtarı montaj bağlantı parçasının dört köşesi boyunca kaydırın.
2. Anahtarı, anahtar deliği içerisine takmaya çalışın. Anahtar sadece işaretli bir anahtar deliği içerisine takılabilir.

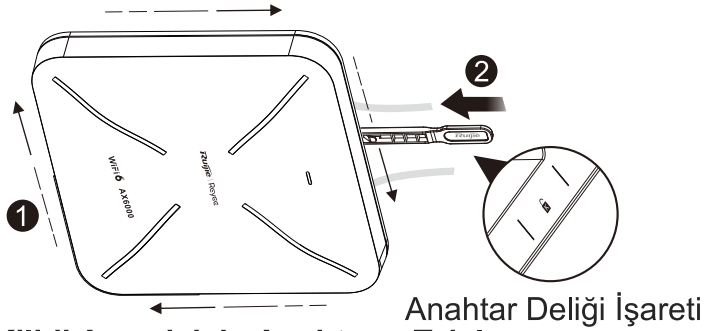

Kilidi Açmak için Anahtarın Takılması

Duvara Monte Erişim Noktasının Sökülmesi

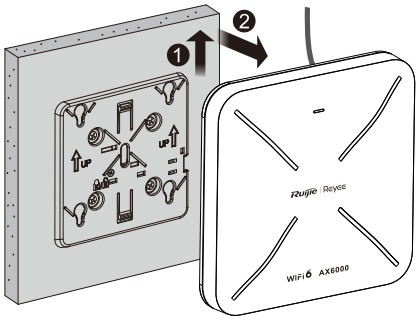

Erişim Noktasını ellerinizle tutun ve yukarıya ve montaj bağlantı parçasından uzağa doğru ittirin.

Tavana Monte Erişim Noktasının Sökülmesi

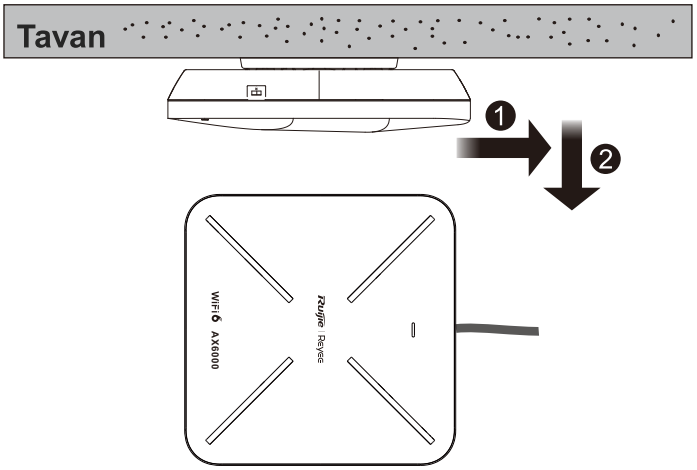

Erişim Noktasını ellerinizle tutun ve her yönde montaj bağlantı parçasından uzağa doğru ittirmeye çalışın. Erişim Noktası dört yönün sadece birinde dışarı doğru ittirilebilir.

1.9 Erişim Noktasının Yapılandırılması

Yöntem 1 (Tavsiye Edilen)

Ruijie Bulut Uygulamasını karşıdan yüklemek için el kitabındaki veya cihaz üzerindeki Kare-Kodu okutun. Ruijie Reyee'u ilk kez mi kullanıyorsunuz? kısmını bulun. Ağı yapılandırmak için Uygulamadaki kılavuzu takip edin.

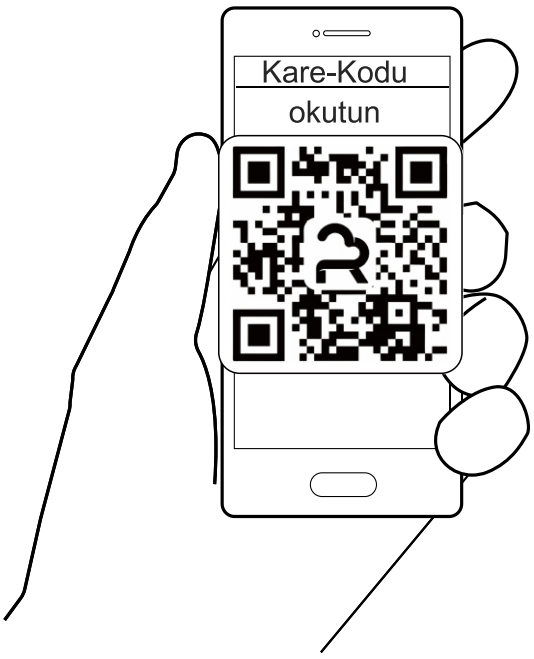

Yöntem 2

1. Erişim Noktasını SSID'ye bağlayın. Eğer ağ içerisinde birden fazla cihaz varsa, SSID @Ruijie-mXXXX'i kullanın. Eğer ağda sadece bir cihaz varsa, SSID @Ruijie-sXXXX'i kullanın. Eğer ağda sadece bir cihaz varsa, SSID @Ruijie-sXXXX'i kullanın.
2. Eğer ağda sadece bir Reyee cihazı varsa, tarayıcı üzerinden http://192.168.120.1 adresine erişin. Aksi taktirde http://10.44.77.253 adresine

erişin. Yukarıda belirtilen ikinci durumda telefonunuzu veya bilgisayarınızı 10.44.77.253 ile aynı ağ segmenti içerisindeki bir IP adresi ile yapılandırın, örneğin; 10.44.77.250.

3. Ağ projelerini oluşturmak için Kurulumu Başlat (Start Setup) üzerine tıklayın.

1.10 Ekler

Giriş Gücü	Yerel güç kaynağı: 48 V DC/1 A			
	Standart PoE: IEEE 802.3bt standardı, IEEE 802.3at standardı öncesiyle uyumludur			
Güç Kaynağı Modu	2.4 GHz	5 GHz	Veri Hızı	Maksimum Güç Tüketimi
IEEE 802.3bt Standardı (Tavsiye Edilen)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
60 W Pasif PoE Adaptörü (İsteğe Bağlı Aksesuar)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Yerel Güç Kaynağı (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
IEEE 802.3at Standardı	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Not: Erişim noktası 802.3af-uyumlu değildir.				

Manual do usuário

1.1 Conteúdo da embalagem

Item	Quantidade
Access Point	1
Suporte de montagem	1
Parafuso Phillips	4
Fixador para a parede	4
Manual do usuário	1
Certificado de qualidade	1

1.2 Funcionalidades de hardware

Vista superior

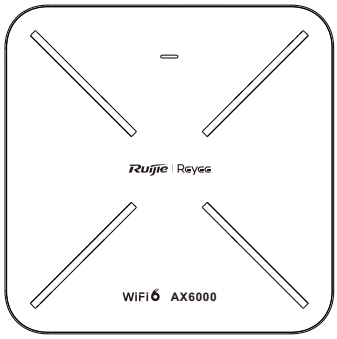

Vista inferior

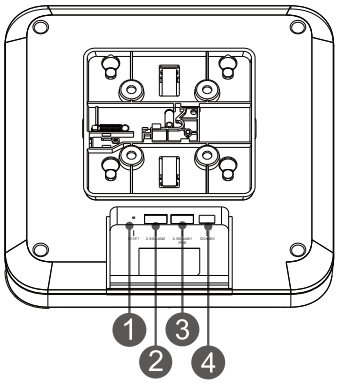

Nota: ① Orifício de reset ② Porta LAN2/2.5 G
③ Porta LAN1/2.5G/PoE ④ Entrada de 48 V CC

Fonte de alimentação de PoE: Ligue uma extremidade do cabo Ethernet à porta LAN1/2.5G/PoE do ponto de acesso e a outra extremidade a um switch com capacidade de PoE ou outro equipamento de fonte de energia (PSE).
Fonte de alimentação de CC: Ligue o transformador de CC (48 V/1A) à entrada de CC no access point.

1.3 Especificações técnicas

Item	Especificações
Dimensões (L x P x A)	230 mm × 230 mm × 48 mm (9,06 polegadas × 9,06 polegadas × 1,89 polegada, sem o suporte de montagem)
Velocidade de transmissão	2,4 GHz: até 1148 Mbps 5 GHz: até 4804 Mbps Combinada: 5952 Mbps
Rádio de funcionamento	802.11 b/g/n/ax: 2,4 GHz a 2,4835 GHz 802.11a/n/ac/ax: 5,150 GHz a 5,350 GHz, 5,470 GHz a 5,850 GHz
Antena	Antena omnidirecional integrada
Portas de serviço	Duas portas Ethernet autoadaptáveis de 10/100/1000/2500 Mbps
Reset/Restauração	Suportado
LED de estado	Suportado
Fonte de alimentação	Existem três modos de fornecimento de energia disponíveis: ● PoE Padrão: Norma IEEE 802.3bt, retrocompatível com o padrão IEEE 802.3at ● Adaptador PoE passivo de 60 W (acessório opcional) ● Fonte de alimentação local: 48 V CC /1 A Nota: O ponto de acesso não é compatível com 802.3af. (Consulte o anexo para conhecer os modos de alimentação e a respectiva velocidade de transmissão.)
Consumo máximo de energia	≤ 40 W
Ambiente	Temperatura de funcionamento: 0 °C a 40 °C (32 °F a 104 °F)
	Temperatura de armazenamento: -40 °C a 70 °C (-40 °F a 158 °F)
	Humidade de funcionamento: 5% a 95% HR (sem condensação)
	Humidade de armazenamento: 5% a 95% HR (sem condensação)
Peso	≤ 1,8 kg (3,97 libras, sem o suporte de montagem)
Cor	Branco quente

1.4 LED e orifício de reset

	Estado	Descrição
LED	Azul constante	O access point está funcionando corretamente sem alarmes.
	Apagado	O access point não está recebendo energia.
	Intermitente lento	O access point está funcionando corretamente, mas foi gerado um alarme.
	Intermitente rápido	Casos possíveis: 1. Restaurando as definições de fábrica do access point. 2. Atualizando o firmware. 3. Processando os alarmes automaticamente. 4. Iniciando o access point.
Orifício de reset	Insira um pino no orifício de reset e exerça pressão durante menos de 2 segundos.	Reinicia o access point.
	Insira um pino no orifício de reset e exerça pressão durante mais de 5 segundos.	Restaura as definições de fábrica do access point.

1.5 Ferramentas (fornecidas pelo cliente)

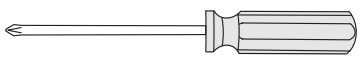

Chave de fendas Phillips

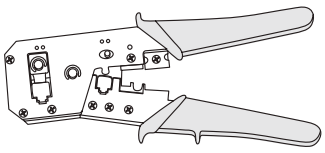

Alicate de cravar

1.6 Montagem do access point sem bloqueio de segurança

Para montar o AP com o bloqueio de segurança, consulte a respectiva seção.
1. Abra quatro furos com 53 mm (2,09 pol.) de distância entre si na parede ou teto.

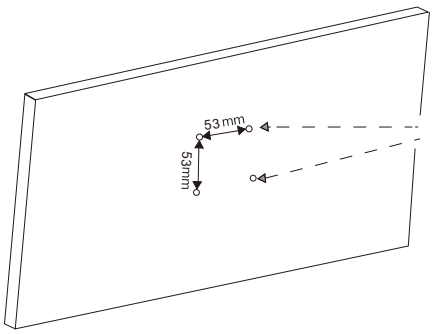

Abra quatro furos.

2. Retire o suporte de montagem do material de embalagem.

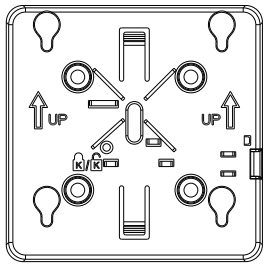

3. Fixe o suporte de montagem no teto ou parede com parafusos.

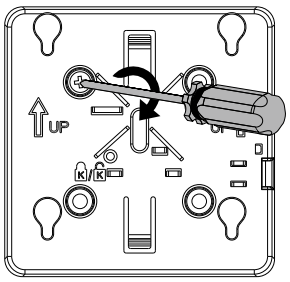

4. Ligue o cabo Ethernet à porta LAN na traseira do AP.

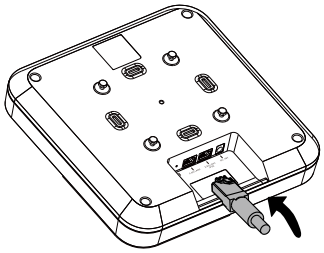

5. Alinhe os pés quadrados na traseira do AP com os orifícios de montagem do suporte. Faça deslizar o AP para os orifícios até encaixar com um estalido.

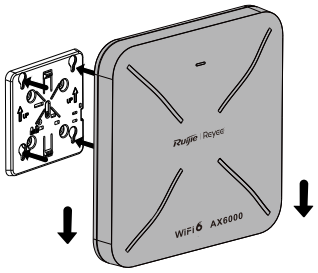

1.7 Montagem do access point com bloqueio de segurança (opcional)

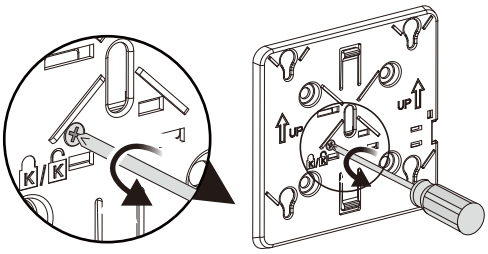

Afrouxe o parafuso de segurança

Afrouxe o parafuso de segurança para acionar o bloqueio de segurança.

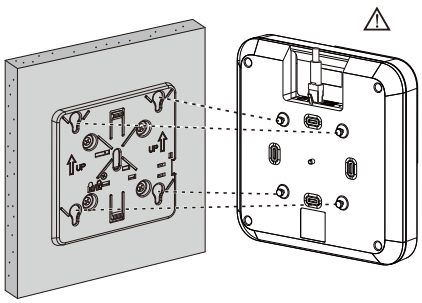

⚠ Ligue o cabo Ethernet antes de montar o AP no suporte

Alinhe os pés quadrados na traseira do AP com os orifícios de montagem do suporte. Deslize o AP sobre os furos de montagem.

Atenção:
Deslize o AP, até encaixar, sobre os furos de montagem na direção oposta à da seta (para cima) indicada no suporte. Não deslize o AP à força sobre os orifícios de montagem dos suportes. Após a instalação, certifique-se de que o AP está bem fixo ao suporte.

1.8 Remoção do access point

1. Se o bloqueio de segurança for utilizado, mantenha a parte superior da chave na extremidade do suporte de montagem (com o logótipo Ruijie na chave que aponta para cima). Deslize a chave juntamente com as quatro extremidades do suporte de montagem.
2. Tente inserir a chave na respetiva fechadura. Só pode ser inserida numa fechadura assinalada.

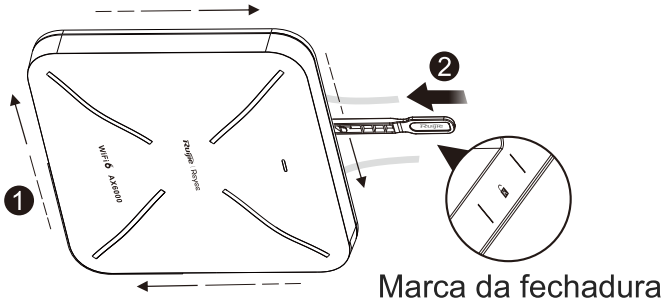

Marca da fechadura

Inserção da chave para desbloquear

Remoção do AP montado na parede

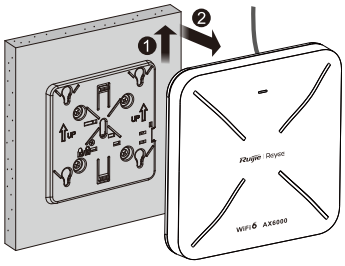

Segure o AP com as mãos e empurre-o para cima e para fora do suporte.

Remoção do AP montado no teto

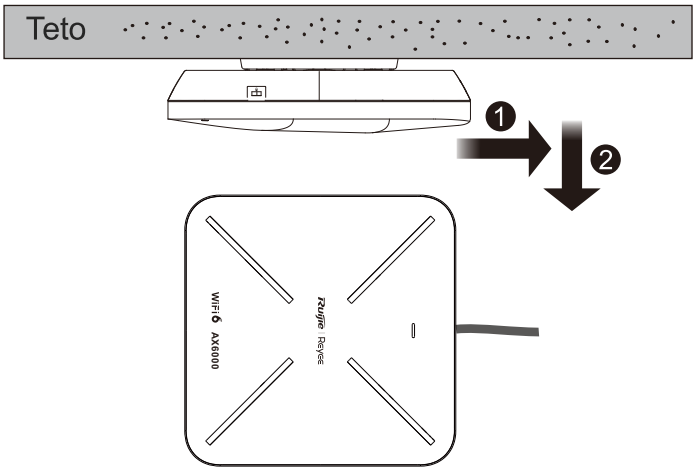

Segure o AP com as mãos e tente afastá-lo do suporte em cada direção. O AP só pode ser retirado numa das quatro direções.

1.9 Configuração do ponto de acesso

Método 1 (recomendado)

Digitalize o código QR do manual ou do dispositivo para baixar a Ruijie Cloud App. Encontre a seção É a primeira vez que utiliza a RuijieReyee?Siga o guia na aplicação para configurar a rede.

Método 2

1. Conecte ao SSID do access point.Se existirem vários dispositivos na rede, use o SSID @Ruijie-mXXXX. Se existir apenas um dispositivo na rede, use o SSID @Ruijie-sXXXX. Também pode criar uma conexão com fios conectando o seu PC à porta Ethernet do access point com um cabo Ethernet.
2. Se existir apenas um dispositivo Reyee na rede, acesse a http://192.168.120.1 através do browser. Caso contrário, acesse a http://10.44.77.253. Neste caso, configure o seu telefone ou PC com um endereço IP no mesmo segmento de rede que 10.44.77.253, por exemplo, 10.44.77.250.
3. Clique em Iniciar configuração para criar projetos de rede.

1.10 Anexo

Entrada de energia	Fonte de alimentação local: 48 V CC/1 A			
	PoE Padrão: IEEE 802.3bt, retrocompatível com o padrão IEEE 802.3at			
Modo de alimentação	2,4 GHz	5 GHz	Velocidade de transmissão	Consumo máx. de energia
Padrão IEEE 802.3bt (recomendado)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Adaptador PoE passivo de 60 W (acessório opcional)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Fonte de alimentação local (48 V CC/1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40 W
Norma IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976 Mbps	25 W
Nota: O access point não é compatível com 802.3af.				

Aviso Anatel

Para mais informações sobre ANATEL, consulte o site: www.anatel.gov.br.

คู่มือการใช้งาน

1.1 อุปกรณ์ในหีบห่อบรรจุ

ส่วนประกอบ	จำนวน
อุปกรณ์กระจายสัญญาณ	1
ตัวยึดสำหรับติดตั้ง	1
สกรูปากแฉก	4
แผ่นยึดติดผนัง	4
คู่มือผู้ใช้	1
ใบรับรองคุณภาพ	1

1.2 ลักษณะของฮาร์ดแวร์

มุมมองด้านบน

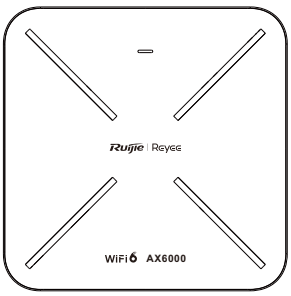

มุมมองด้านล่าง

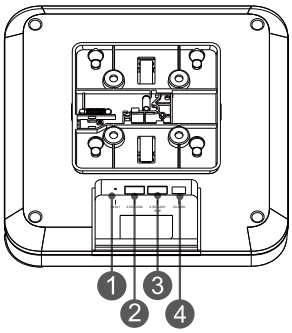

หมายเหตุ: ① รูสำหรับรีเซ็ต ② พอร์ต LAN2/2.5G
③ พอร์ต LAN1/2.5G/PoE ④ ขั้วต่อสายไฟ DC 48 V

แหล่งจ่ายไฟ PoE: เชื่อมปลายสายอีเธอร์เน็ตด้านหนึ่งเข้ากับพอร์ต LAN1/2.5G/PoE ของตัวอุปกรณ์กระจายสัญญาณ แล้วเชื่อมปลายอีกด้านหนึ่งเข้ากับสวิตซ์ที่รองรับ PoE หรืออุปกรณ์ที่ทำหน้าที่เป็นแหล่งจ่ายไฟ (PSE) ชิ้นอื่น

แหล่งจ่ายไฟ DC: เชื่อมอะแดปเตอร์แปลงไฟ DC (48 V/1A) เข้ากับขั้วต่อสายไฟ DC ที่อุปกรณ์กระจายสัญญาณ

1.3 ข้อกำหนดทางเทคนิค

ส่วนประกอบ	ข้อมูลจำเพาะ
ขนาด (กว้าง x ลึก x สูง)	230 มม. × 230 มม. × 48 มม. (9.06 นิ้ว × 9.06 นิ้ว × 1.89 นิ้ว ไม่รวมตัวยึดสำหรับติดตั้ง)
อัตราการส่งข้อมูล	2.4 GHz: สูงสุด 1,148 Mbps 5 GHz: สูงสุด 4,804 Mbps รวม: 5,952 Mbps
คลื่นวิทยุที่ใช้ทำงาน	802.11 b/g/n/ax: 2.4 GHz ถึง 2.4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: 5.150 GHz ถึง 5.350 GHz, 5.470 GHz ถึง 5.850 GHz
เสาอากาศ	เสาอากาศกระจายสัญญาณรอบทิศทางในตัว
พอร์ตบริการ	พอร์ตอีเธอร์เน็ต 10/100/1,000/2,500 Mbps แบบปรับค่าเองได้จำนวน 2 พอร์ต
รีสตาร์ท/รีเซ็ต	รองรับ
ไฟ LED แสดงสถานะ	รองรับ
แหล่งจ่ายไฟ	โหมดของแหล่งจ่ายไฟที่สามารถใช้งานได้มีอยู่ 3 โหมดดังนี้ • PoE มาตรฐาน: มาตรฐาน IEEE 802.3bt, ใช้งานร่วมกับรุ่นก่อนอย่างมาตรฐาน 802.3at ได้ • อะแดปเตอร์ PoE แบบพาสซีฟ 60 W (อุปกรณ์เสริมเพิ่มเติม) • แหล่งจ่ายไฟในอุปกรณ์: 48 V DC /1 A หมายเหตุ: อุปกรณ์กระจายสัญญาณใช้ร่วมกับมาตรฐาน 802.3af ไม่ได้ (ไปที่ภาคผนวกเพื่อดูเกี่ยวกับโหมดของแหล่งจ่ายไฟและอัตราการส่งข้อมูลที่เกี่ยวข้อง)
การใช้กำลังไฟฟ้าสูงสุด	≤ 40 W
สภาพแวดล้อม	อุณหภูมิในการทำงาน: 0°C ถึง 40°C (32°F ถึง 104°F)
	อุณหภูมิการจัดเก็บ: -40°C ถึง 70°C (-40°F ถึง 158°F)
	ความชื้นในการทำงาน: 5% ถึง 95% (ไม่มีการควบแน่น)
	ความชื้นการจัดเก็บ 5% ถึง 95% (ไม่มีการควบแน่น)
น้ำหนัก	≤ 1.8 กก. (3.97 ปอนด์ ไม่รวมตัวยึดสำหรับติดตั้ง)
สี	ขาวนวล

1.4 ไฟ LED และรูสำหรับรีเซ็ต

	สถานะ	คำอธิบาย
ไฟ LED	น้ำเงินสว่าง	อุปกรณ์กระจายสัญญาณทำงานตามปกติโดยไม่มีสัญญาณเตือน
	ไม่ติด	อุปกรณ์กระจายสัญญาณไม่ได้รับกำลังไฟฟ้า
	กระพริบช้า	อุปกรณ์กระจายสัญญาณทำงานตามปกติแต่มีการสร้างสัญญาณเตือนขึ้น

	กระพริบเร็ว	อาจเกิดจากกรณีต่อไปนี 1. กำลังคืนค่าอุปกรณ์กระจายสัญญาณให้เป็นการตั้งค่าจากโรงงาน 2. กำลังอัปเกรดเฟิร์มแวร์ 3. กำลังจัดการสัญญาณเตือนโดยอัตโนมัติ 4. อุปกรณ์กระจายสัญญาณกำลังเริ่มทำงาน
รูสำหรับรีเซ็ต	เสียบเข็มค้างไว้ในรูสำหรับรีเซ็ตไม่เกิน 2 วินาที	รีสตาร์ทอุปกรณ์กระจายสัญญาณ
	เสียบเข็มค้างไว้ในรูสำหรับรีเซ็ตนานกว่า 5 วินาที	คืนค่าอุปกรณ์กระจายสัญญาณให้เป็นการตั้งค่าจากโรงงาน

1.5 เครื่องมือ (ลูกค้าจะต้องจัดหาเอง)

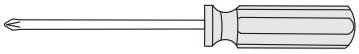

ไขควงปากแฉก

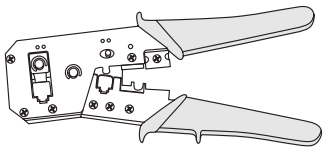

คีมย้ำหางปลา

1.6 การติดตั้งอุปกรณ์กระจายสัญญาณแบบไม่มีล็อคนิรภัย

หากต้องการติดตั้งอุปกรณ์กระจายสัญญาณแบบมีล็อคนิรภัย ให้ดูที่ “การติดตั้งอุปกรณ์กระจายสัญญาณแบบมีล็อคนิรภัย”

1. เจาะรู 4 รูโดยให้ห่างกัน 53 มม. (2.09 นิ้ว) บนผนังหรือเพดาน

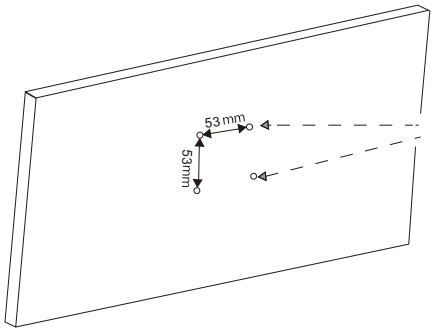

เจาะรู 4 รู

2. นำตัวยึดสำหรับติดตั้งออกมาจากหีบห่อบรรจุภัณฑ์

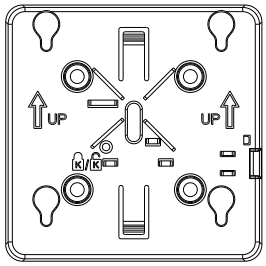

3. ยึดตัวยึดสำหรับติดตั้งไว้กับเพดานหรือผนังโดยใช้สกรู

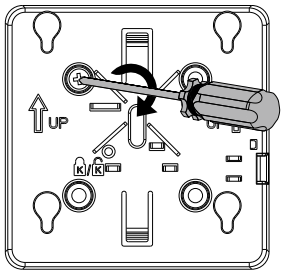

4. เชื่อมสายอีเธอร์เน็ตเข้ากับพอร์ต LAN
ที่ส่วนท้ายของอุปกรณ์กระจายสัญญาณ

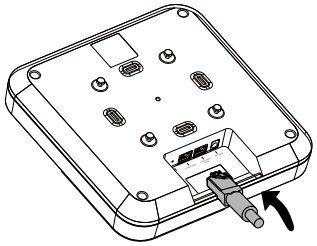

5.
จัดขายึดรูปสี่เหลี่ยมที่อยู่ด้านท้ายของอุปกรณ์กระจายสัญญาณให้อยู่ในระดับเดียวกันกับรูติดตั้งบนตัวยึด
เลื่อนอุปกรณ์กระจายสัญญาณเข้าไปในรูจนกว่าจะเข้าที่

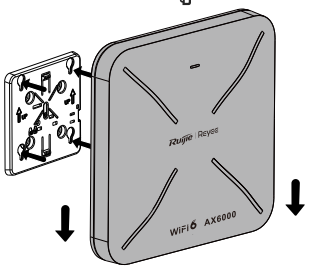

1.7 การติดตั้งอุปกรณ์กระจายสัญญาณแบบมีล็อคนิรภัย (ไม่บังคับ)

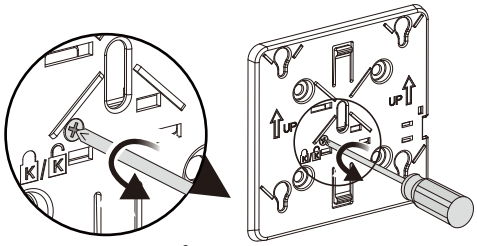

คลายสกรูนิรภัย

คลายสกรูนิรภัยเพื่อใส่ล็อคนิรภัย

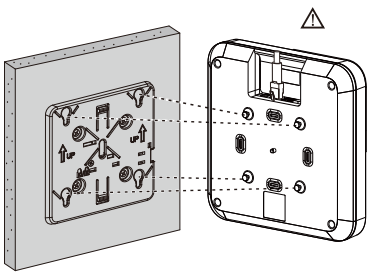

เชื่อมสายอีเธอร์เน็ตก่อนทำการติดตั้งอุปกรณ์กระจายสัญญาณบนตัวยึด

จดขายึดรูปสี่เหลี่ยมที่อยู่ด้านท้ายของอุปกรณ์กระจายสัญญาณให้อยู่ในระดับเดียวกันกับรูติดตั้งบนตัวยึด เลื่อนอุปกรณ์กระจายสัญญาณเข้าไปในรูติดตั้ง

ข้อควรระวัง:
เลื่อนอุปกรณ์กระจายสัญญาณเข้าไปในรูติดตั้งในทิศทางที่ตรงกันข้ามกับลูกศร (ขึ้น) ที่ระบุไว้ที่ตัวยึดจนกว่าจะเข้าที่
ห้ามใช้แรงเพื่อเลื่อนอุปกรณ์กระจายสัญญาณเข้าไปในรูติดตั้งบนตัวยึดหลังจากติดตั้งแล้ว
ให้ตรวจสอบยืนยันว่าอุปกรณ์กระจายสัญญาณนั้นยึดอยู่กับตัวยึดอย่างมั่นคงแล้ว

1.8 การถอดอุปกรณ์กระจายสัญญาณออก

1. หากคุณใช้ล็อคนิรภัย
ให้นำส่วนบนสุดของกุญแจไปแตะกับขอบของตัวยึด (โดยให้โลโก้ Ruijie บนกุญแจนั้นชี้ขึ้น) เลื่อนกุญแจไปตามขอบทั้ง 4
ด้านของตัวยึดสำหรับติดตั้ง
2. พยายามเสียบกุญแจลงในรูกุญแจ ทั้งนี้
จะเสียบกุญแจลงได้เฉพาะในรูกุญแจที่ทำเครื่องหมายไว้รูเดียวเท่านั้น

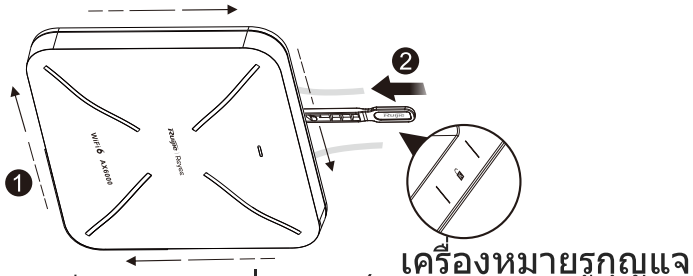

การเสียบกุญแจเพื่อปลดล็อค

การถอดอุปกรณ์กระจายสัญญาณที่ติดตั้งบนผนังออก

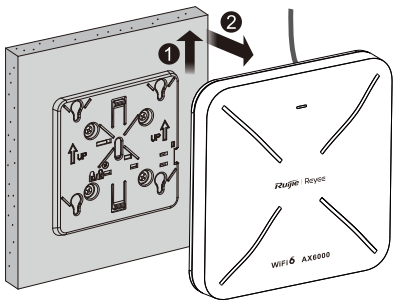

ใช้มือจับอุปกรณ์กระจายสัญญาณไว้ แล้วดันขึ้นออกจากตัวยึด
การถอดอุปกรณ์กระจายสัญญาณที่ติดตั้งบนเพดานออก

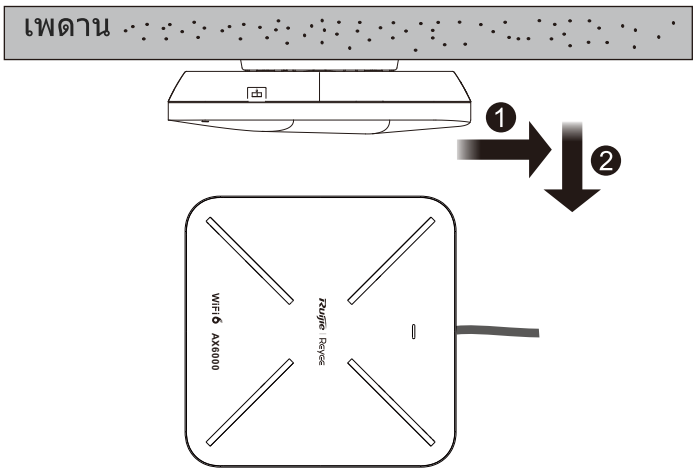

ใช้มือจับอุปกรณ์กระจายสัญญาณไว้
แล้วดันให้ห่างออกจากตัวยึดในแต่ละทิศทาง
คุณจะดันอุปกรณ์กระจายสัญญาณออกได้จากเพียงทิศทางเดียวเท่านั้นจาก ทั้งหมด 4 ทิศทาง

1.9 การกำหนดค่าอุปกรณ์กระจายสัญญาณ

วิธีที่ 1 (วิธีที่แนะนำ)
สแกนคิวอาร์โค้ดในคู่มือหรือบนอุปกรณ์เพื่อดาวน์โหลดแอป Ruijie Cloud
ค้นหา "ครั้งแรกที่ใช้ Ruijie Reyee?"
ปฏิบัติตามคู่มือในแอปเพื่อกำหนดค่าเครือข่าย

วิธีที่ 2
1. เชื่อมอุปกรณ์กระจายสัญญาณเข้ากับ SSID
หากมีอุปกรณ์หลายเครื่องอยู่ในเครือข่ายนั้น ให้ใช้ SSID @Ruijie-mXXXX
หากมีอุปกรณ์เพียงเครื่องเดียวอยู่ในเครือข่ายนั้น ให้ใช้ SSID @Ruijie-sXXXX นอกจากนี้คุณยังสามารถสร้างการเชื่อมต่อแบบใช้สายได้

โดยใช้สายอีเธอร์เน็ตเพื่อเชื่อม PC
ของคุณเข้ากับพอร์ตอีเธอร์เน็ตของอุปกรณ์กระจายสัญญาณ
2. หากมีอุปกรณ์ Reyee เพียงเครื่องเดียวในเครือข่าย ให้เข้าไปที่
http://192.168.120.1 โดยใช้เบราว์เซอร์ หรือเข้าไปที่
http://10.44.77.253 ในกรณีหลัง ให้กำหนดค่าโทรศัพท์หรือ PC
ของคุณที่มีที่อยู่ IP ในเซกเมนต์เครือข่ายเดียวกันกับ 10.44.77.253
ตัวอย่างเช่น 10.44.77.250
3. คลิก “เริ่มตั้งค่า” เพื่อสร้างโครงการเครือข่าย

1.10 ภาคผนวก:

ข้อมูลกำลังไฟ	แหล่งจ่ายไฟในอุปกรณ์: 48 V DC/1 A			
	PoE มาตรฐาน: มาตรฐาน IEEE 802.3bt, ใช้งานร่วมกับรุ่นก่อนอย่างมาตรฐาน 802.3at ได้			
โหมดของแหล่งจ่ายไฟ	2.4 GHz	5 GHz	อัตราการส่งข้อมูล	การใช้กำลังไฟฟ้าสูงสุด
มาตรฐาน IEEE 802.3bt (แนะนำ)	4 x 4	4 x 4	5,952 Mbps	40 W
อะแดปเตอร์ PoE แบบพาสซีฟ 60 W (อุปกรณ์เสริมเพิ่มเติม)	4 x 4	4 x 4	5,952 Mbps	40 W
แหล่งจ่ายไฟในอุปกรณ์ (48 V DC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5,952 Mbps	40 W
มาตรฐาน IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2,976 Mbps	25 W
หมายเหตุ: อุปกรณ์กระจายสัญญาณใช้ร่วมกับมาตรฐาน 802.3af ไม่ได้				

Manuale d'uso

1.1 Contenuto della confezione

Articolo	Quantità
Access Point	1
Staffa di montaggio	1
Vite a testa scanalata a croce	4
Supporto di fissaggio a muro	4
Manuale d'uso	1
Certificato di qualità	1

1.2 Caratteristiche hardware

Vista superiore

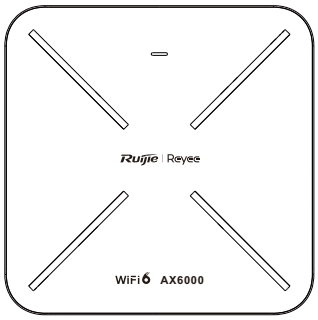

Vista da sotto

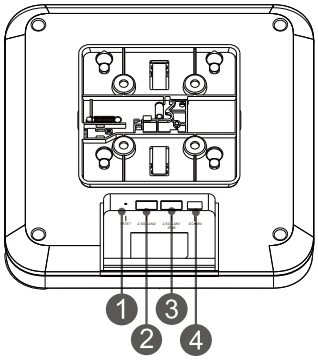

Nota: ①Foro di RESET ②PortaLAN2/2 .5G
③PortaLAN1/2 .5G/PoE ④Presa di ingresso a 48 V CC

Alimentazione PoE: collegare un'estremità del cavo Ethernet alla porta LAN1/2 .5G/PoE dell'access point e l'altra estremità a uno switch con supporto PoE o altra apparecchiatura di alimentazione (PSE).

Alimentazione CC: collegare l'adattatore di alimentazione CC (48 V/1 A) alla presa di ingresso CC sull'access point.

1.3 Specifiche tecniche

Articolo	Specifiche
Dimensioni (L x P x A)	230 mm × 230 mm × 48 mm (9,06 pollici × 9,06 pollici × 1,89 pollici, senza la staffa di montaggio)
Velocità dati	2,4 GHz: fino a 1148 Mbps 5 GHz: fino a 4804 Mbps Combinato: 5952 Mbps
Radiofrequenza operativa	802.11b/g/n/ax: da 2,4 GHz a 2,4835 GHz 802.11 a/n/ac/ax: da 5,150 GHz a 5,350 GHz, da 5,470 GHz a 5,850 GHz
Antenna	Antenna omnidirezionale integrata
Porte di servizio	Due porte Ethernet autoadattative da 10/100/1000/2500 Mbps
Riavvio/Ripristino	Supportato
LED di stato	Supportato
Alimentazione	Sono disponibili tre modalità di alimentazione: PoE ● standard: standard IEEE 802.3bt, retrocompatibile con lo standard IEEE 802.3at Adattatore PoE passivo da● 60 W (accessorio opzionale) Alimentazione ● locale: 48 V DC /1 A Nota: l'access ponit non è conforme a 802.3af. (Cfr. Appendice per le modalità di alimentazione e la rispettiva velocità di trasmissione dei dati.)
Potenza max assorbita	≤ 40 W
Ambiente	Temperatura di esercizio: da 0 °C a 40 °C (da 32 °F a 104 °F)
	Temperatura di stoccaggio: da –40°C a 70°C (da –40°F a 158°F)
	Umidità di esercizio: dal 5% al 95% RH (senza condensa)
	Umidità di stoccaggio: dal 5% al 95% (senza condensa)
Peso	≤ 1,8 kg (3,97 libbre, senza la staffa di montaggio)
Colore	Bianco caldo

1.4 LED e foro di reset

	Stato	Descrizione
LED	Blu fisso	L'access point funziona correttamente senza allarmi.
	Spento	L'access point non riceve energia.
	Lampeggio lento	L'access point funziona correttamente ma si è verificato un allarme.

	Lampeggio rapido	Possibili casi: 1. Ripristino dell'access point alle impostazioni di fabbrica. 2.Aggiornamento del firmware. 3.Gestione automatica degli allarmi. 4. Avvio dell'access point.
Foro di Reset	Tenere premuto il piedino sul foro di reset per meno di 2 secondi.	Riavviare l'access point.
	Tenere premuto il piedino sul foro di ripristino per più di 5 secondi.	Ripristinare l'access point alle impostazioni di fabbrica.

1.5 Strumenti (forniti dal cliente)

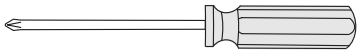

Cacciavite a croce

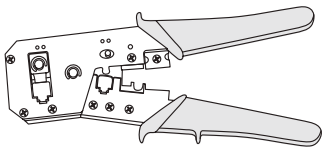

Pinza crimpatrice

1.6 Montaggio dell'access point senza blocco di sicurezza

Per montare l'AP con il blocco di sicurezza, cfr. Montaggio dell'access point con blocco di sicurezza.

1. Praticare quattro fori a una distanza di 53 mm (2,09 pollici) sulla parete o sul soffitto.

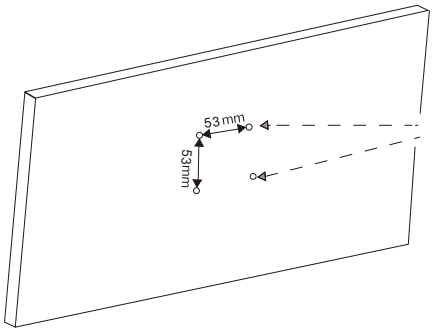

Praticare quattro fori.

2. Estrarre la staffa di montaggio dal materiale di imballaggio.

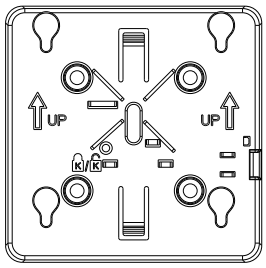

3. Fissare la staffa di montaggio a soffitto o a parete utilizzando le viti.

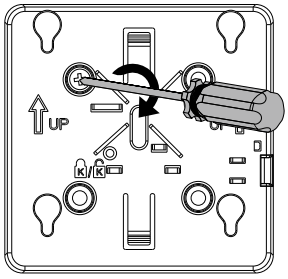

4. Collegare il cavo Ethernet alla porta LAN sul retro dell'AP.

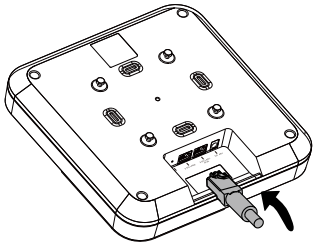

5. Allineare i piedini quadrati sul retro dell'AP ai fori di montaggio sulla staffa. Far scorrere l'AP nei fori fino a farlo scattare in posizione.

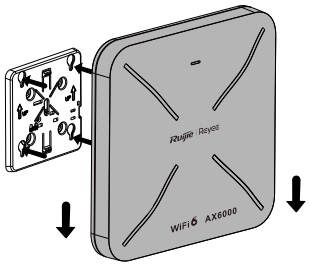

1.7 Montaggio dell'access point con blocco di sicurezza (opzionale)

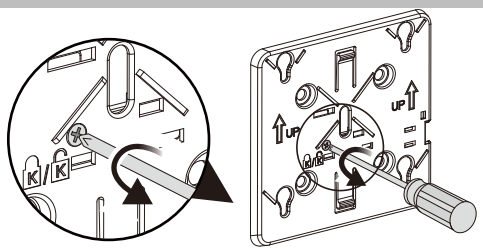

Allentare la vite di sicurezza

Allentare la vite di sicurezza per innestare il blocco di sicurezza.

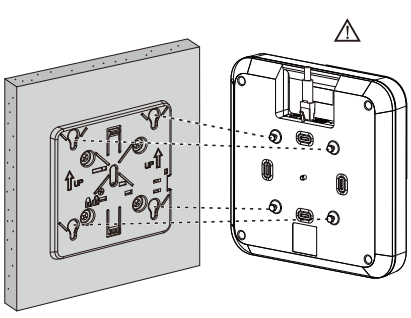

⚠ Collegare il cavo Ethernet prima di montare l'AP sulla staffa

Allineare i piedini quadrati sul retro dell'AP ai fori di montaggio sulla staffa. Far scorrere l'AP nei fori di montaggio.

Attenzione:
Far scorrere l'AP nei fori di montaggio orientandolo nel verso opposto a quello della freccia (SU) indicata sulla staffa fino a farlo scattare in posizione. Evitare di far scorrere forzatamente l'AP nei fori di montaggio sulle staffe. Dopo l'installazione, verificare che l'AP sia correttamente fissato sulla staffa.

1.8 Rimozione dell'access point

1. In caso di utilizzo del blocco di sicurezza, tenere la parte superiore della chiave contro il bordo della staffa di montaggio (con il logo Ruijie sulla chiave rivolto verso l'alto). Far scorrere la chiave insieme ai quattro bordi della staffa di montaggio.
2. Tentare di inserire la chiave nel foro della serratura. Può essere inserito in un solo foro contrassegnato.

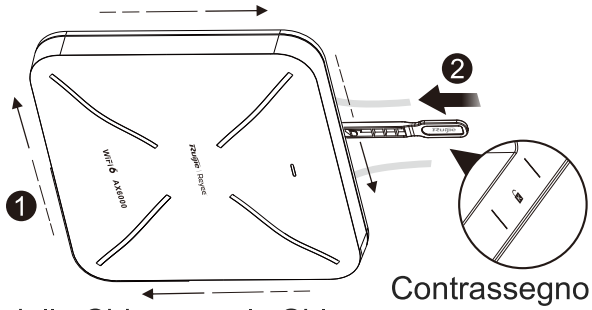

Contrassegno del foro della serratura

Inserimento della Chiave per lo Sblocco

Rimozione dell'AP montato a parete

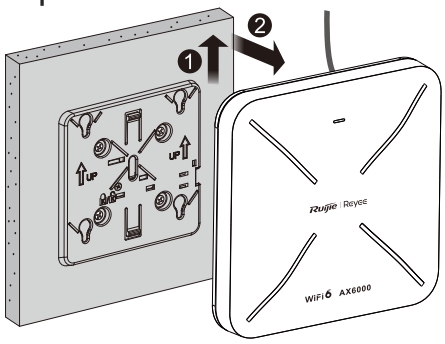

Afferrare l'AP con le mani e spingerlo verso l'alto e lontano dalla staffa.

Rimozione dell'AP montato a soffitto

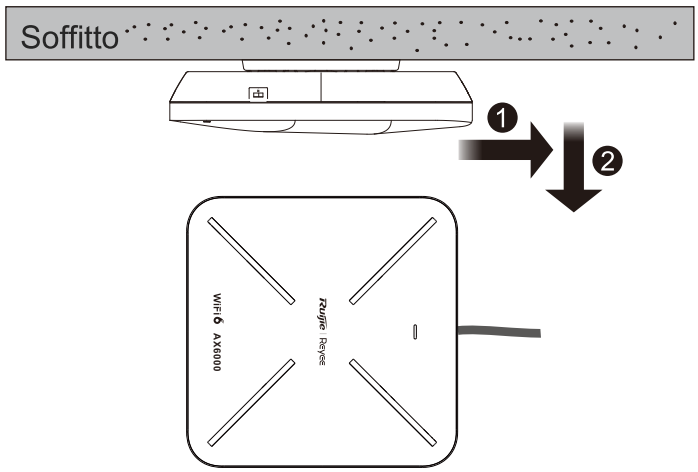

Afferrare l'AP con le mani e tentare di rimuoverlo dalla staffa secondo ciascun verso. L'AP può essere spinto solo in uno dei quattro versi.

1.9 Configurazione dell'Access Point

Metodo 1 (consigliato)

Scansionare il codice QR nel manuale o sul dispositivo per scaricare l'App Ruijie Cloud. Trovare la voce: Primo utilizzo di Ruijie Reyee? Seguire la guida sull'App per configurare la rete.

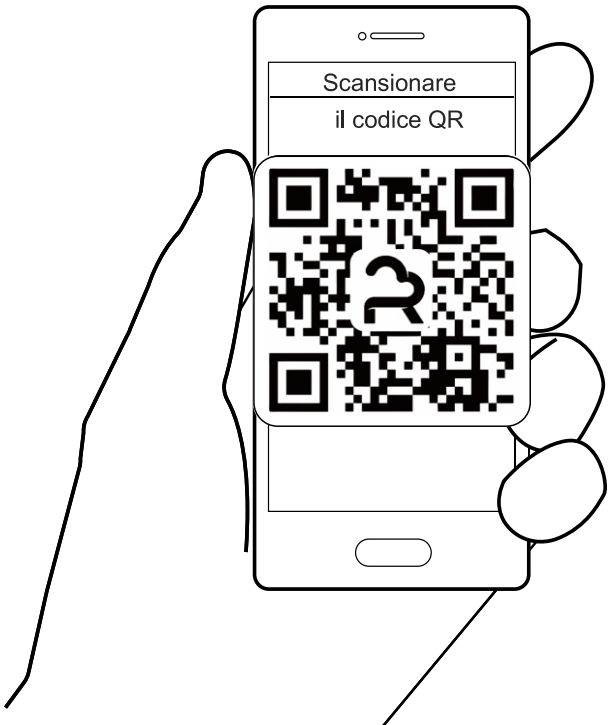

Metodo 2

1. Collegare l'access point all'SSID. Se nella rete sono presenti più dispositivi, utilizzare SSID @Ruijie-mXXXX. Se nella rete è presente un solo dispositivo, utilizzare SSID @Ruijie-sXXXX. È inoltre possibile stabilire una connessione cablata collegando il PC alla porta Ethernet dell'access point con un cavo Ethernet.

2. Se nella rete è presente un solo dispositivo Reyee, accedere all'indirizzo http://92.168.120.1 tramite il browser. In caso contrario, accedere a http://10.44.77.253. In quest'ultimo caso, configurare il telefono o il PC con un indirizzo IP nello stesso segmento di rete di 10.44.77.253, ad esempio 10.44.77.250.
3. Fare clic su Avvia installazione per creare progetti di rete.

1.10 Appendice

Alimentazione in ingresso	Alimentazione locale: 48 VDC/1 A			
	PoE standard: standard IEEE 802.3bt, retrocompatibile con lo standard IEEE 802.3at			
Modalità di alimentazione	2,4 GHz	5 GHz	Velocità dati	Max. Potenza assorbita
Standard IEEE 802.3bt (consigliato)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40W
Adattatore PoE passivo da 60 W (accessorio opzionale)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40W
Alimentazione locale (48 V CC /1 A)	4 x 4	4 x 4	5952 Mbps	40W
Standard IEEE 802.3at	2 x 2	2 x 2	2976Mbps	25 W
Nota: l' access point non è conforme a 802.3af.				